

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

----o0o----

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 cấp ngày 28/04/2021)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:/SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP



Địa chỉ: Số 193 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 6287 6666

Fax: 024 6288 3333

Website: www.vimico.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3818 1888

Fax: (84-24) 3818 1688

Biên cơ hội thành giá trị

Website: www.shs.con.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Trịnh Văn Tuệ

Số điện thoại: 0982.176.255

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 cấp ngày 28/04/2021)

Địa chỉ liên hệ: Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 6287 6666

Fax: 024 6288 3333

Email: vimico@hn.vnn.vn

Website: www.vimico.vn



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Tổng công ty khoáng sản TKV - CTCP
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	KSV
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	200.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	2.000.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ: Tầng 5, Tháp B2, Tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 5678 3999

Fax: (84 24) 3755 7446

Website: www.uhy.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 37832121

Fax: (84 24) 37832122

Website: www.cpavietnam.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3818 1888

Fax: (84-24) 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về pháp luật.....	10
3. Rủi ro đặc thù.....	10
4. Rủi ro khác.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1. Tổ chức niêm yết.....	11
2. Tổ chức tư vấn	12
III. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty.....	18
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty	18
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/11/2022.....	21
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VIMICO, những công ty mà VIMICO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VIMICO tại thời điểm 30/09/2022.....	22
6. Hoạt động kinh doanh	25
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	40
8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	42
9. Chính sách đối với người lao động	45
10. Chính sách cổ tức và phân phối lợi nhuận.....	47
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	48
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	62
13. Tài sản	80
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	82
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	85
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	86
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	86
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	86
1. Loại chứng khoán.....	86
2. Mệnh giá.....	86
3. Tổng số chứng khoán niêm yết:.....	86
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.....	86

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

5. Phương pháp tính giá	87
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	88
7. Các loại thuế có liên quan.....	88
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	91
VII. PHỤ LỤC	91

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP nói riêng.

❖ Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong sáu tháng đầu năm 2021, nền kinh tế có sự khởi sắc khi đại dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát. Tuy nhiên từ cuối Quý II/2021 đặc biệt là Quý III/2021, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2021 tăng 2,58%, mức tăng thấp nhất từ 2008. Tuy đất nước gặp vô vàn khó khăn, thách thức do dịch Covid-19 trong năm qua nhưng với sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế sau khi các địa phương trên cả nước thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ cùng với những điểm sáng trong năm 2021 sẽ là động lực tăng trưởng, tạo đà phát triển kinh tế đất nước trong năm 2022.

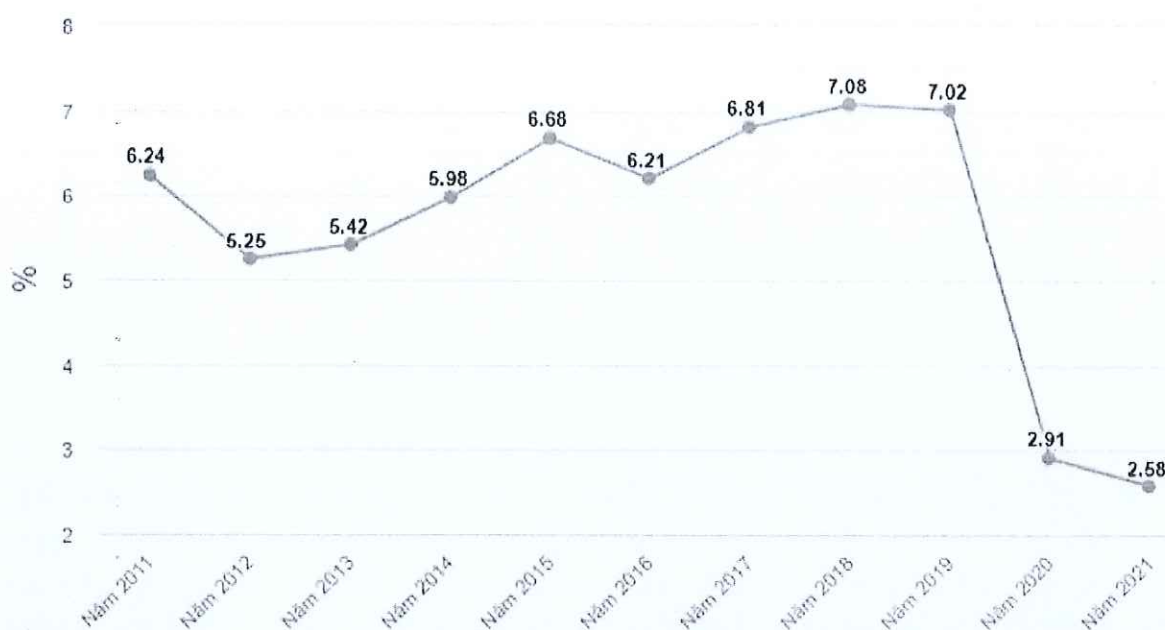
Theo dữ liệu của Tổng cục thống kê, GDP 6 tháng đầu năm 2022 tăng 6,42%, cao hơn tốc độ tăng tương ứng của cùng kỳ các năm trước (6 tháng đầu năm 2020 tăng 2,04%, 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,74%). Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,78% (đóng góp 5,07%); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,70%, (đóng góp 48,33%), trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 9,66%; khu vực dịch vụ tăng 6,60%, (đóng góp 46,60%).

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,05%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 39,30%; khu vực dịch vụ chiếm 40,63%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,02%.

Về sử dụng GDP 6 tháng đầu năm 2022, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,06% so với cùng kỳ năm 2021; tích lũy tài sản tăng 3,92%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 9,10%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,41%.

Theo dữ liệu của Tổng cục thống kê, GDP Quý III/2022 tăng khá cao ở mức 13,67% so với cùng kỳ năm trước. GDP 9 tháng năm 2022 tăng 8,83% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong giai đoạn 2011-2022, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả. Nếu Quý IV/2022 không có những biến cố lớn thì dự báo kết quả tăng trưởng cả năm sẽ đạt trên 8%.

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011 - 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, sản phẩm chính của Tổng Công ty là các khoáng sản kim loại màu, kim loại đen, khoáng sản phi kim loại, khoáng sản quý hiếm... được ứng dụng rộng rãi trong việc làm ra các sản phẩm như đồng tấm, vàng, bạc, phôi thép, axit... Các sản phẩm của Tổng Công ty được phân phối chủ yếu tại thị trường trong nước. Trường hợp tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức cao và ổn định sẽ làm gia tăng nhu cầu của xã hội về sản phẩm của Tổng Công ty, qua đó giúp cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty thuận lợi. Ngược lại, nếu tốc độ tăng trưởng kinh tế sụt giảm sẽ khiến cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gặp khó khăn. Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế, Tổng Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế, để từ đó lập kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với yêu cầu tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhằm gia tăng lợi nhuận của các lĩnh vực kinh doanh truyền thống và một số lĩnh vực kinh doanh khác.

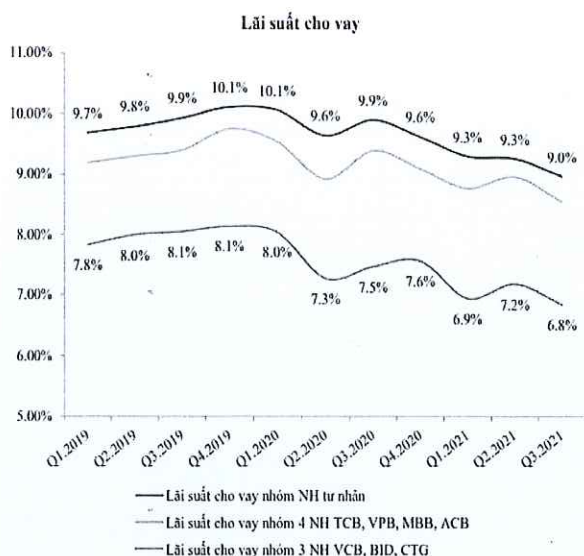
❖ Lãi suất:

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Trong những năm gần đây, trước bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi.

Năm 2021, mặt bằng lãi suất được giữ ổn định để lãi suất cho vay giảm. Trần lãi suất cho vay VND mà Ngân hàng Nhà nước quy định là 4,5%. Trong năm, thực hiện nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ, 16 ngân hàng thương mại đã đồng thuận giảm lãi suất cho vay áp dụng lên đến 1%/năm trên dư nợ hiện hữu từ giữa tháng 7 đến hết năm 2021.

Lãi suất cho vay, huy động giai đoạn 2019 – 2021



Nguồn: VCBS Research

Theo số liệu từ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022 của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 20/6/2022, và so với cuối năm 2021, tín dụng tăng 8,51% (so với mức 5,47% vào 2021), cung tiền M2 tăng 3,3% (so với 3,48% vào 2021) và huy động vốn tăng 3,97% (so với 3,13% vào 2021). Như vậy, chưa đầy 6 tháng đầu năm 2022, lượng tín dụng bơm mới vào thị trường đạt hơn 888 nghìn tỷ đồng, trong khi đó chỉ có 434 nghìn tỷ được huy động thêm từ dân cư và các tổ chức kinh tế. Điều này rõ ràng tạo áp lực đáng kể lên mặt bằng lãi suất huy động trong thời gian qua. Trên thực tế, các ngân hàng thương mại cổ phần cũng đã lần lượt điều chỉnh biểu lãi suất huy động với mức trung bình tăng từ 0,3-1,0 điểm phần trăm, chủ yếu vào giai đoạn cuối Quý I và đầu Quý II năm 2022.

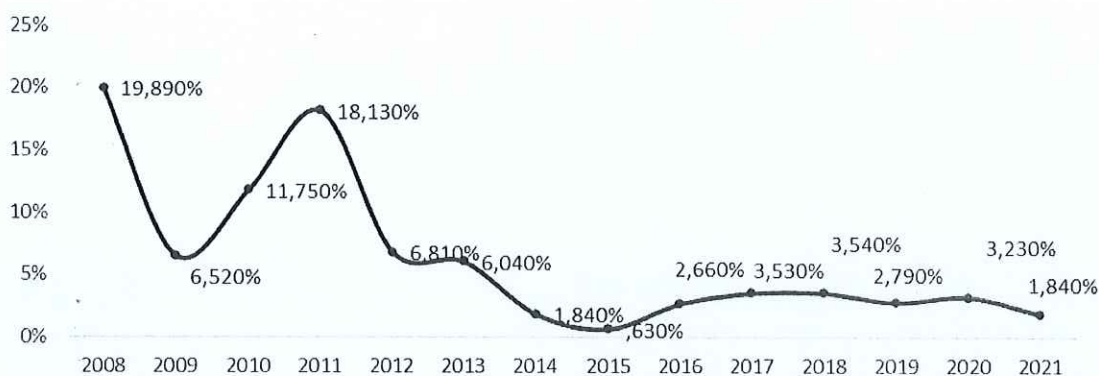
Từ ngày 25/10, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã tăng các loạt lãi suất điều hành thêm 1%/năm nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và tiền tệ. Cụ thể, tăng lãi suất tái cấp vốn từ 5%/năm lên 6%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 3,5%/năm lên 4,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng từ 6%/năm lên 7%/năm. NHNN cũng nâng lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng từ mức 0,5%/năm lên 1%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng từ 5%/năm lên 6%/năm. Riêng lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND tại quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô từ 5,5%/năm lên 6,5%/năm; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do tổ chức tín dụng ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế tăng từ 4,5%/năm lên 5,5%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này tăng từ 5,5%/năm lên 6,5%/năm.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất. Để quản trị rủi ro về lãi suất, hạn chế tối đa tác động của lãi suất lên hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty áp dụng nhiều biện pháp

nhằm thắt chặt chi phí như giảm vay vốn từ Ngân hàng, sử dụng linh hoạt các sản phẩm tín dụng và thay bằng các nguồn khác có chi phí thấp hơn. Dự kiến, trong thời gian tới, với chủ trương tăng mức lãi suất ngân hàng, rủi ro lãi suất sẽ tăng đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

❖ **Lạm phát:**

Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI.

Từ năm 2017 đến năm 2021 chỉ số CPI đã được kiểm soát thành công, duy trì mức dưới 4%/năm. Tính chung cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và U-crai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu. Giá các loại hàng hóa trên thị trường thế giới tăng cao, đặc biệt là giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng mạnh nhất kể từ năm 2011, tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu.

Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, lạm phát toàn cầu tính đến Quý II/2022 là 7,8%, mức cao nhất kể từ năm 2008(9,2%). Thực tế ở tất cả các quốc gia đặt mục tiêu lạm phát, các mục tiêu này đều vượt gần 90% các nền kinh tế đang phát triển và tất cả các nền kinh tế phát triển. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới vào giữa năm 2023, lạm phát toàn cầu sẽ giảm xuống 3%.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản như Tổng Công ty, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, nhân công, lãi vay,... Trường hợp tỷ lệ lạm phát được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như của Tổng Công ty, giúp Tổng Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

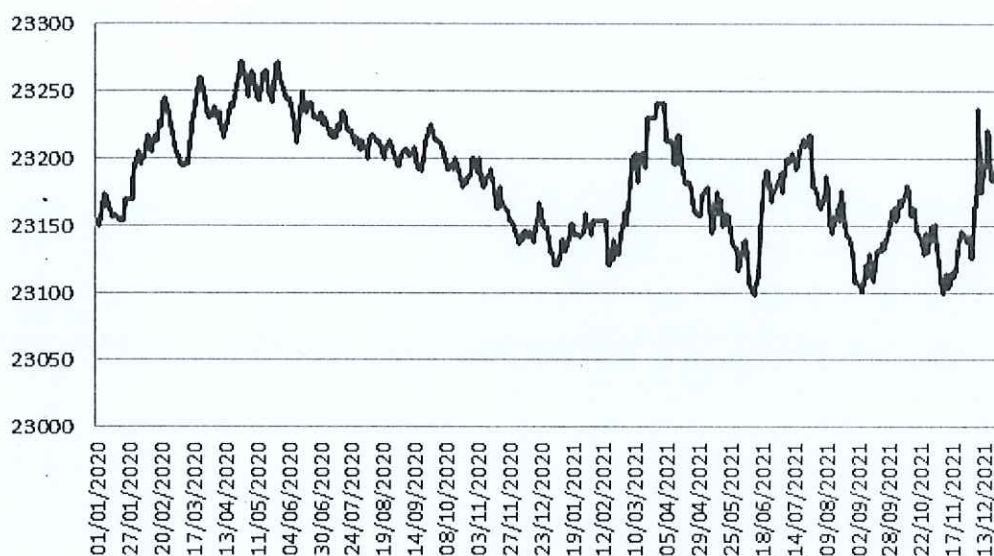
❖ **Tỷ giá**

Tỷ giá hối đoái cũng là một nhân tố có tác động không nhỏ đến nền kinh tế của các quốc gia có hoạt động ngoại thương lớn như Việt Nam. Mỗi biến động trên thị trường ngoại hối quốc tế và Việt Nam sẽ có ảnh hưởng ngay tức thì tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập

khẩu Việt Nam, cũng như tới cán cân thanh toán quốc gia.

Năm 2021, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm tỷ giá USD/VND mua giao ngay tổng cộng 3 lần sau khi Mỹ và Việt Nam tiếp tục đạt được tiếng nói chung và phía Việt Nam cam kết không cố tình can thiệp vào thị trường để làm giảm giá VND. Từ đó tỷ giá giao dịch thực tế tại NHTM đã giảm tới 1,14% so với cuối năm 2020, tương đương VND đã lên giá 1,14% so với đồng USD. Trên thị trường liên ngân hàng, tại ngày 31/12/2021 tỷ giá USD/VND đạt 22.826 đồng giảm 1,18% so với đầu năm.

Diễn biến tỷ giá trung tâm 2020-2021



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) liên tiếp tăng lãi suất điều hành 3 lần; mức tăng lãi suất ngày 15/6 (0,75 điểm %) là mức tăng lớn nhất trong vòng 28 năm qua và dự kiến tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ trong thời gian tới. Đồng USD quốc tế tăng giá mạnh (chỉ số DXY tăng khoảng 10% từ đầu năm 2022), khiến đồng tiền của nhiều nền kinh tế lớn và đang phát triển mất giá mạnh. Những diễn biến trên tác động bất lợi tới cân đối cung cầu ngoại tệ và tâm lý thị trường trong nước, gây áp lực đối với sự ổn định của tỷ giá và thị trường ngoại tệ. Trước bối cảnh đó, tỷ giá USD/VND không có xu hướng giảm như năm 2021 mà từ đầu năm 2022 đến nay tăng khoảng 2% so với cuối năm 2021. Trong bối cảnh trên, NHNN điều hành tỉ giá theo hướng vừa tạo dư địa để tỷ giá diễn biến linh hoạt, hấp thụ các cú sốc bên ngoài, vừa can thiệp thị trường ngoại tệ để hạn chế biến động quá mức của tỷ giá, góp phần bình ổn thị trường ngoại tệ, ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Từ đầu năm 2022, NHNN đã bán ngoại tệ can thiệp với các hình thức phù hợp để bổ sung nguồn cung ngoại tệ cho thị trường, qua đó đáp ứng các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế.

Ngày 30/9/2022, NHNN điều chỉnh tỷ giá bán USD tại Sở Giao dịch NHNN tăng 225 đồng, từ mức 23.700 đồng lên mức 23.925 đồng. Như vậy, tính từ đầu năm đến nay, đây là lần thứ tư NHNN tăng giá bán USD, với tổng cộng mức tăng thêm là 905 đồng, tương đương tăng 3,9%. Theo đánh giá của giới chuyên môn, tỷ giá hối đoái sẽ tiếp tục chịu áp lực trong những tháng cuối năm 2022 do đồng USD neo cao khi FED duy trì lộ trình tăng lãi suất. Tính đến ngày 31/10/2022, tỷ giá trung tâm được NHNN công bố ở mức 23.695 VND/USD; tỷ giá USD các ngân hàng thương mại (NHTM) được phép giao dịch là từ 22.510 - 24.880 VND/USD.

Tổng Công ty có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông qua hoặc sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ (USD, CNY...). Do đó, bất kì sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Trong trường hợp đồng VND bị mất giá so với đồng ngoại tệ, Tổng Công ty sẽ được hưởng lợi từ chênh lệch tỷ giá và ngược lại. Do đó, để hạn chế rủi ro về tỷ giá, Tổng Công ty có kế hoạch điều hành hoạt động kinh doanh hợp lý để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về pháp luật

Hoạt động đầu tư kinh doanh của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh của một số các văn bản luật như: Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Khoáng sản, Luật Đầu tư; Luật đấu thầu....

Hiện nay, Hệ thống pháp luật của nước ta liên quan đến hoạt động kinh doanh và khai thác khoáng sản còn chưa đồng bộ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Các chính sách của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Nhà nước thu tiền sử dụng tài liệu địa chất, thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ, đầu tư... và các loại thuế, phí tăng cao đã và đang làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, thời hạn khai thác các mỏ của Tổng Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý, khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thủ tục về cấp phép khai thác mỏ thường kéo dài và là một rủi ro trong hoạt động của Tổng Công ty.

Để hạn chế các rủi ro về mặt luật pháp, Tổng Công ty luôn tiến hành cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty, từ đó điều chỉnh các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh phù hợp hơn.

3. Rủi ro đặc thù

➤ Rủi ro về đất đai

Hiện nay, VIMICO đang được Nhà nước giao quản lý, sử dụng diện tích đất hơn 6,987 triệu m² trải rộng trên địa bàn Lào Cai, Hà Nội và đang thực hiện các thủ tục để thuê đất với diện tích hơn 2,0 triệu m² chủ yếu trên địa bàn Lào Cai để phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh. Việc quản lý, sử dụng và xin cấp mới những diện tích đất trên có thể phát sinh những rủi ro, khó khăn không lường trước được như:

Rủi ro trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng: Đây là công tác phức tạp và có thể phát sinh nhiều vướng mắc làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án cũng như công tác sản xuất của Tổng Công ty.

Chính sách về quản lý đất đai: Thường xuyên có những biến động, việc cập nhật và áp dụng các chính sách về đất đai có thể phát sinh các chi phí làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, đầu tư: tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

➤ Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên

Ngành khoáng sản có đặc thù là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

(sunk cost) sẽ là rất lớn. Mặc dù các công ty khai khoáng đều thực hiện những nghiên cứu, khảo sát và đánh giá về điều kiện địa chất mỏ. Tuy nhiên, những nghiên cứu này không thể lường trước hết những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá không chính xác về địa chất và về trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

➤ **Rủi ro đặc thù khai thác, chế biến**

Trong quá trình khai thác, ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải, phế thải độc hại và do hoạt động trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường... dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động hoặc thậm chí bị rút giấy phép khai thác mỏ.

➤ **Rủi ro về tiêu thụ sản phẩm**

Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của Tổng Công ty được xây dựng dựa vào một phần công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trong năm tới. Do đó, giá cả của các sản phẩm như: đồng, vàng, bạc, kẽm thời, phôi thép, tinh quặng sắt... đều chịu áp lực do biến động giá cả của thị trường trong nước và thế giới. Vì vậy, mọi chính sách kinh tế, đối ngoại đều có tác động đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

4. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, địch họa, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Tổng Công ty hoặc làm cho chuỗi cung ứng vật tư, thiết bị cho Tổng công ty bị gián đoạn, các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV – CTCP

Ông: Nguyễn Văn Hải

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Trịnh Văn Tuệ

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông: Nguyễn Văn Viên

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: Lương Văn Lĩnh

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Đại diện theo pháp luật:

Bà: **Trần Thị Thu Thanh** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 07/2021/UQ-TGD ngày 26/02/2021 của Tổng Giám đốc)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP cung cấp.

Bản cáo bạch này được soạn thảo dựa trên các thông tin, số liệu và tài liệu do Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP cung cấp. Các thông tin và số liệu về Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP trong Bản cáo bạch này đã được Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP xác nhận. SHS không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu do Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP cung cấp.

Bản cáo bạch này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại về số liệu tài chính tính đến ngày 30/09/2022, một số thông tin khác đã được cập nhật đến thời điểm ký ban hành Bản cáo bạch. Các sự kiện xảy ra sau các mốc thời gian này chưa được xem xét và Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản công bố thông tin đối với các sự kiện này.

III. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT

- Tổng Công ty/VIMICO/KSV : Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP
- SHS, Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- Điều lệ : Điều lệ của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP thông qua
- Vốn điều lệ : Là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- MTV : Một thành viên

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

CTCP	: Công ty cổ phần
VĐL	: Vốn điều lệ
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TGD	: Tổng Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BCTC	: Báo cáo tài chính
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
DTT	: Doanh thu thuần
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
NG	: Nguyên giá
GTCL	: Giá trị còn lại
VNĐ	: Việt Nam đồng
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước
HĐLĐ	: Hợp đồng lao động

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký niêm yết

- ✓ Tên công ty: **Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP**
- ✓ Tên tiếng Anh: **VINACOMIN – MINERALS HOLDING CORPORATION**
- ✓ Tên viết tắt: **VIMICO**
- ✓ Trụ sở chính: Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- ✓ Địa chỉ liên hệ: Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- ✓ Vốn điều lệ đăng ký: **2.000.000.000.000 đồng**
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: **2.000.000.000.000 đồng**
- ✓ Mã cổ phiếu: **KSV**
- ✓ Điện thoại: 024 6287 6666 Fax: 024 6288 3333
- ✓ Website: www.vimico.vn
- ✓ Logo của Công ty:



- ✓ Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn Tuệ; Chức vụ: Tổng Giám đốc
- ✓ Ngày hoàn thành thủ tục đăng ký công ty đại chúng: ngày 28/12/2015 theo Quyết định số 8010/UBCK-QLPH
- ✓ **Giấy chứng nhận ĐKKD:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 cấp ngày 28/4/2021
- ✓ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
2.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
3.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
4.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
5.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

6.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420 (Chính)
7.	Đúc kim loại màu	2432
8.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Khai thác quặng sắt	0710
12.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
13.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
14.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
15.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
16.	Sản xuất than cốc	1910
17.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
19.	Bán buôn tổng hợp	4690
20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
21.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
22.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
25.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
28.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
29.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8710
30.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
31.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
32.	Điều hành tua du lịch	7912

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

33.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và uơm giống cây lâm nghiệp	0210
34.	Khai thác gỗ	0220
35.	Đào tạo sơ cấp	8531
36.	Đào tạo trung cấp	8532
37.	Đào tạo cao đẳng	8533
38.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
39.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
43.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	990
45.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
46.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
47.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
48.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
49.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
52.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
53.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
54.	Xây dựng công trình thủy	4291
55.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
56.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

- Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (tiền thân là Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam) là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1118 QĐ/TCCBDT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).
- Theo Quyết định số 345/2005/QĐ-TT ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Tập

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

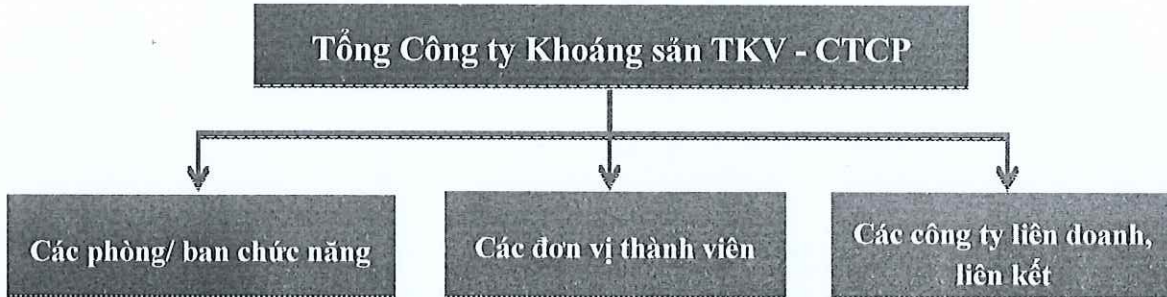
- đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển thành công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
- Ngày 27/04/2006, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 0106000168, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 03/05/2007 với số vốn điều lệ là 719.749.730.244 đồng.
 - Theo Quyết định số 2449/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam được đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - TKV.
 - Theo Quyết định số 3169/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương, Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV và đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 22/06/2011 với số vốn điều lệ tăng lên là 1.090 tỷ đồng và đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 21/08/2012 với số vốn điều lệ tăng lên là 1.350 tỷ đồng.
 - Thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 7850/QĐ-BCT ngày 30/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Tổng công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 6/10/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 6/10/2015 với số vốn điều lệ là 2.000 tỷ đồng.
 - Ngày 28/12/2015, UBCKNN đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 8010/UBCK- QLPH.
 - Ngày 09/03/2016, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 16/2016/GCNCP-VSD cho Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
 - Ngày 21/7/2016, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-SGDHN v/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trên sàn Upcom với mã chứng khoán KSV, số lượng đăng ký là 200.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.000 tỷ đồng.
 - Ngày 28/7/2016, cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV chính thức giao dịch trên sàn Upcom.
 - Ngày 03/8/2018, Hội đồng thành viên TKV đã ban hành Quyết định số 1498/QĐ-TKV v/v phê duyệt quyết toán công tác CPH Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin tại thời điểm chính thức chuyển thành Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (thời điểm ngày 05/10/2015).
 - Năm 2021, Tổng công ty hoàn thành thủ tục sáp nhập Công ty TNHH MTV Đá quý Việt Nhật vào Tổng công ty, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 28/4/2021.

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ từ thời điểm cổ phần hóa:

Tổng Công ty chính thức chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty cổ phần từ ngày 06/10/2015 với quy mô vốn điều lệ thực góp 2.000 (hai nghìn) tỷ đồng. Kể từ thời điểm cổ phần hóa đến nay, Tổng Công ty chưa thực hiện tăng vốn.

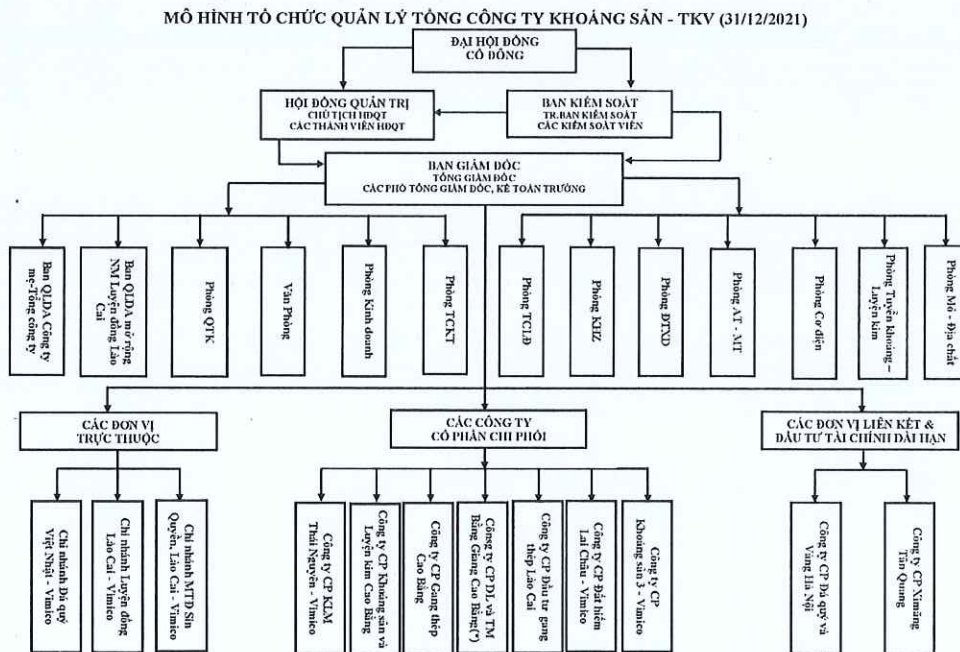
2. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty



Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hiện hành, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam, là nơi đặt văn phòng làm việc của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty



Nguồn: VIMICO

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định các vấn đề trong thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

❖ **Hội đồng quản trị**

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2020-2025). Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

❖ **Ban kiểm soát**

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2020-2025). Ban kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

❖ **Tổng Giám đốc**

Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh của nhóm công ty mẹ - công ty con theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là một thành viên trong HĐQT.

❖ **Phó Tổng Giám đốc:**

Hiện nay có 05 Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

❖ **Kế toán trưởng:**

Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

❖ **Bộ máy giúp việc:**

Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận. Cụ thể như sau:

- Phòng Mô Địa chất: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác quản lý công

nghệ khai thác mỏ, trắc địa mỏ, địa chất thăm dò và địa chất mỏ, quy hoạch khoáng sản.

- Phòng Tuyển khoáng – Luyện kim: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác tuyển khoáng; quản lý khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quản lý thiết bị đo lường và quản lý chất lượng sản phẩm; quản lý công nghệ, kỹ thuật chất lượng liên quan đến công tác luyện kim.
- Phòng Cơ điện: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác cơ điện, công nghệ thông tin toàn Tổng công ty.
- Phòng An toàn – Môi trường: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác an toàn – vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ quân sự và bảo vệ môi trường.
- Phòng Đầu tư xây dựng: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác đầu tư, xây dựng và nhà, đất của Tổng công ty.
- Phòng Kế hoạch: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác xây dựng và quản lý kế hoạch, kiểm soát chi phí và quản lý giá thành; quản lý, cung ứng vật tư phục vụ SXKD của Tổng công ty.
- Phòng Tổ chức lao động: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác tổ chức, cán bộ và đào tạo; quản lý lao động tiền lương; chính sách xã hội đối với người lao động và công tác thi đua khen thưởng trong Tổng công ty.
- Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê Tổng công ty.
- Phòng Kinh doanh: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác tiêu thụ, kinh doanh sản phẩm thuộc ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty.
- Văn phòng: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác quản lý văn phòng, hành chính quản trị; văn hóa thể thao; truyền thông; quan hệ hợp tác quốc tế với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.
- Phòng Quản lý vốn - Thanh tra - Kiểm soát nội bộ: Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác thanh kiểm tra; pháp chế; kiểm soát nội bộ; quản trị rủi ro trong toàn Tổng công ty. Giám sát các hoạt động sử dụng vốn của Tổng công ty tại các Công ty con, đơn vị liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác thông qua người đại diện quản lý của Tổng công ty. Kiểm tra tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong việc thực hiện quy định về chế độ thống kê, tài chính, kế toán và việc chấp hành Điều lệ Tổng công ty, chấp hành nghị quyết, quyết định của HĐQT, TGD của các Công ty con, đơn vị trực thuộc.
- Ban Quản lý dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai: Giúp Chủ đầu tư quản lý, thực hiện Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai.
- Ban Quản lý dự án Công ty mẹ - Tổng công ty: Giúp Chủ đầu tư quản lý, thực hiện các Dự án do Công ty mẹ - Tổng công ty làm chủ đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

➤ **Đơn vị trực thuộc:** gồm 03 đơn vị

- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico: Số 193 đường Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico: Thôn Tân Hồng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
- Chi nhánh Mô tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico: Xã Bản Vược, Huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

➤ **Công ty có cổ phần chi phối:** 07 đơn vị

- Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico: Tổ 6, Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng - Vimico: Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng - Vimico: Số 52 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico: 01 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico: Tổ 30, P. Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Công ty cổ phần Đất hiếm Lai Châu – Vimico: Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.
- Công ty cổ phần Đầu tư Gang thép Lào Cai - Vimico: Thôn Tân Hồng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

(Chi tiết thông tin các Công ty tại mục b, khoản 5, phần IV Bản cáo bạch này)

➤ **Đơn vị liên kết và đầu tư tài chính dài hạn:** 02 đơn vị

- Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội: 91 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Công ty cổ phần xi măng Tân Quang: Xã Đà Tràng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

(Chi tiết thông tin các Công ty tại mục b, khoản 5, phần IV bản cáo bạch này)

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 25/11/2022

a) Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ Tổng Công ty:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1.	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Số 226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành	196.117.900	98,06%

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

		phố Hà Nội, Việt Nam		
	Tổng		196.117.900	98,06%

Nguồn: VIMICO

b) Danh sách cổ đông sáng lập:

Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP là doanh nghiệp được hình thành từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và không có cổ đông sáng lập khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

c) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	1.097	199.999.100	99,99955%
* Cá nhân	1.095	3.832.400	1,91620%
* Tổ chức	2	196.166.700	98,08335%
II. Cổ đông nước ngoài	3	900	0,00045%
* Cá nhân	2	800	0,00040%
* Tổ chức	1	100	0,00005%
Tổng	1.100	200.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của VIMICO tại ngày 25/11/2022

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VIMICO, những công ty mà VIMICO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VIMICO tại thời điểm 30/09/2022.

a) Danh sách công ty mẹ đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của VIMICO:

- Tên Công ty: **Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**
- Số ĐKKD: Giấy phép ĐKKD số 5700100256 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 13/5/2019.
- Địa chỉ: Số 226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024 3518 0400 Fax: 024 38510724
- Website: www.vinacomin.vn
- Vốn điều lệ đăng ký: 35.000.000.000.000 (Ba mươi lăm nghìn tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 35.000.000.000.000 (Ba mươi lăm nghìn tỷ đồng)
- Số lượng cổ phần sở hữu tại VIMICO: 196.117.900 cổ phần, tương đương 98,06% vốn điều lệ của VIMICO
- Ngành nghề kinh doanh chính:
- ✓ **Công nghiệp than:** Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm than, khí mỏ, nước ngầm ở mỏ và các khoáng sản khác đi cùng với than.
- ✓ **Công nghiệp khoáng sản - luyện kim:** Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải,

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

sàng tuyển, làm giàu quặng, luyện kim, gia công, chế tác, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm khoáng sản.

- ✓ **Vật liệu nổ công nghiệp:** Sản xuất, mua, bán, dự trữ, xuất nhập khẩu các loại vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amôn.
- ✓ **Công nghiệp điện:** Đầu tư, xây dựng, sản xuất điện; mua, bán điện.

b) **Danh sách công ty con mà VIMICO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn thực góp của Vimico	Sở hữu (%)
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	Tổ 6, Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Khai thác và chế biến khoáng sản	180.000	180.000	91.800	51,0%
2	CTCP Khoáng sản và Luyện Kim Cao	Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	80.000	80.000	41.509	51,89%
3	CTCP Gang thép Cao Bằng – Vimico	Số 52 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Sản xuất, chế biến gang thép	430.064	430.064	225.954	52,54%
4	CTCP Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng – Vimico	01 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Dịch vụ du lịch, khách sạn	18.000	18.000	9.235	51,31%
5	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	Tổ 30, P. Duyên Hải, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Khai thác và chế biến khoáng sản	35.000	35.000	17.850	51,00%
6	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai –	Thôn Tân Hồng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Sản xuất, chế biến gang thép	35.811	35.811	35.455	99,01%

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn thực góp của Vimico	Sở hữu (%)
7	CTCP Đất hiếm Lai Châu – Vimico (*)	Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Khai thác và chế biến khoáng sản	350.000	262.286	148.587	55%

Nguồn: VIMICO

(*): VIMICO thỏa thuận góp vốn vào CTCP Đất hiếm Lai Châu – Vimico là 192,5 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu 55% (theo Bản thỏa thuận cơ cấu lại vốn góp CTCP Đất hiếm Lai Châu ngày 19/07/2008). Đến thời điểm hiện tại, VIMICO đã góp vốn 148.587 triệu đồng tại CTCP Đất hiếm Lai Châu – Vimico.

c) Danh sách công ty liên doanh, liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn thực góp của Vimico	Sở hữu (%)
1	CTCP Đá Quý và Vàng Hà Nội	91 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh vàng bạc, đồ trang sức	18.000	18.000	8.696	48,31%

Nguồn: VIMICO

d) Các khoản đầu tư vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn thực góp của Vimico	Sở hữu (%)
1	CTCP Xi măng Tân Quang	Xã Đà Tràng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Sản xuất xi măng	350.000	350.000	48.000	13,71%

Nguồn: VIMICO

6. Hoạt động kinh doanh

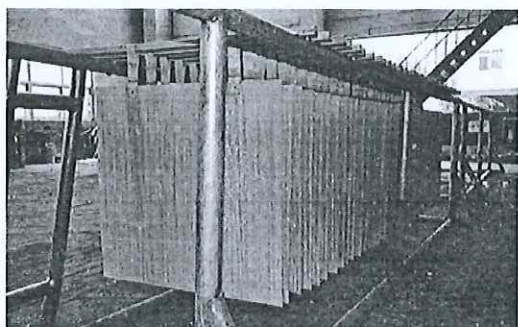
6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

➤ Sản phẩm của VIMICO

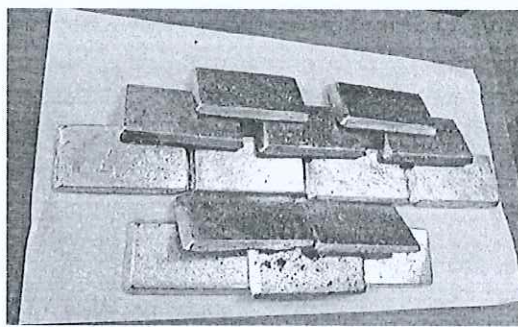
Sản phẩm chính của VIMICO gồm đồng tấm, vàng, kẽm thỏi, quặng và tinh quặng sắt, gang đúc, phôi thép, thiếc thỏi, bạc, tinh quặng đồng, là sản phẩm chủ lực. Ngoài ra còn có sản phẩm axit sunfuric là sản phẩm phụ trong quá trình luyện đồng.

Một số hình ảnh sản phẩm chính của Tổng Công ty:

Hình ảnh 1: Đồng tấm 99,95 – 99,99 % Cu



Hình ảnh 2: Vàng kim loại 99,90 – 99,95 % Au



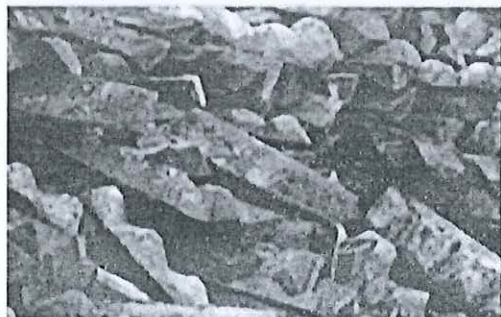
Hình ảnh 3: Kẽm thỏi 99,95 – 99,99 % Zn



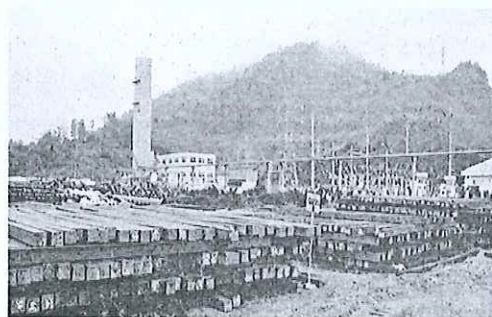
Hình ảnh 4: Quặng và tinh quặng sắt 50 – 70% Fe



Hình ảnh 5: Gang đúc GD1 – GD6



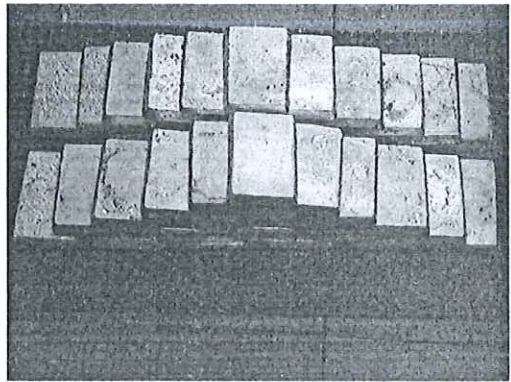
Hình ảnh 6: Phôi thép Q235, CT5



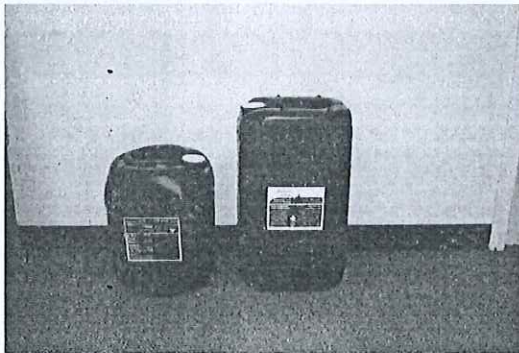
**Hình ảnh 7: Thiếc thỏi 99,75% và 99,95 % Sn
min**



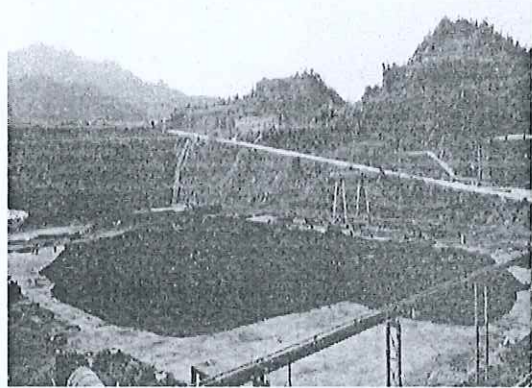
Hình ảnh 8: Bạc kim loại 99,90 – 99,95 % Ag



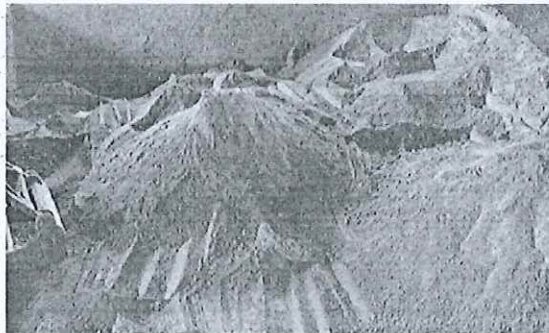
**Hình ảnh 9: Axit sunfuric hàm lượng 93 – 98
% H₂SO₄**



Hình ảnh 10: Tinh quặng 60 – 65 %



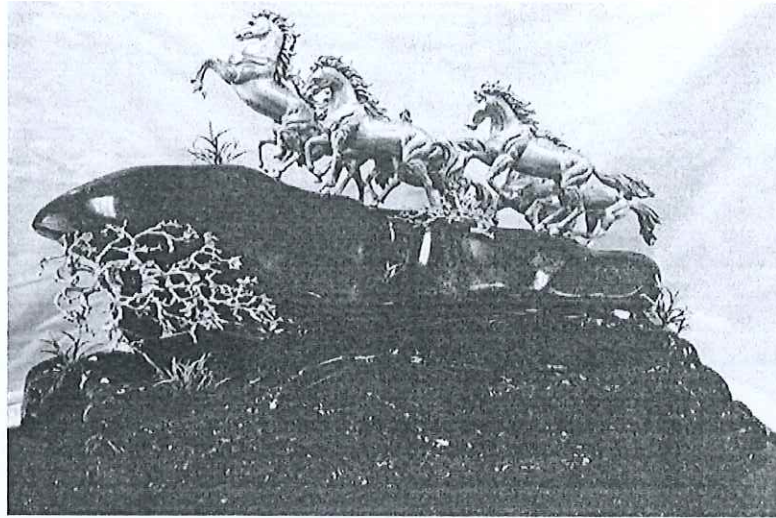
Hình ảnh 11: Tinh quặng đồng 23 – 25% Cu



Bên cạnh những sản phẩm chính trên, Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP còn có những sản phẩm kim loại màu được chế biến sâu là những tác phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ vô cùng tinh xảo, đẹp mắt và mang những ý nghĩa riêng. Điển hình là các tác phẩm như: Bát mã, Thuận buồm xuôi gió, Mã đáo thành công, Gà phong thủy, Tâm an vạn sự an, Bộ ly tứ quý, Bộ ly tứ linh, Bàn tay phật...

Một số hình ảnh tác phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ của Tổng Công ty:

Hình ảnh 1: Tác phẩm “Bát Mã”



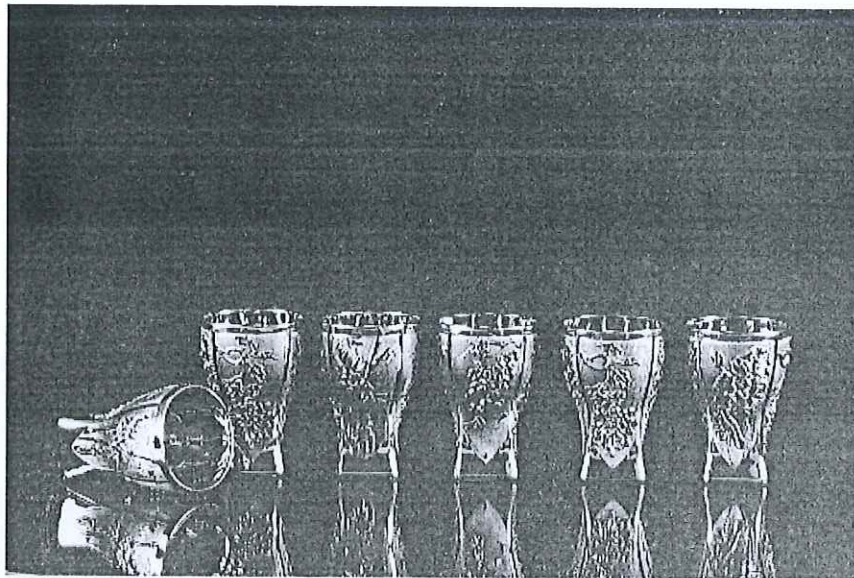
Tác phẩm là hình ảnh Bát mã – một biểu tượng của thành công, may mắn và thăng tiến – được làm bằng đồng nguyên chất mạ Vàng 24K đang phi nước đại vượt ngọn núi được làm bằng Ngọc Aven tự nhiên trên nền Đế Gỗ hương chạm trổ hoa văn tỉ mỉ.

Hình ảnh 2: Tác phẩm “Tâm an vạn sự an”



“Tâm an vạn sự an” mang vẻ đẹp rất riêng, nhẹ nhàng và thanh khiết. Đôi bàn tay giữa đài hoa sen tượng trưng cho vẻ đẹp tinh tú, cao sang, và là biểu tượng của trí tuệ, của sự trường tồn, của ý chí kiên cường, nỗ lực phấn đấu vươn lên không ngừng. Hình ảnh đó được làm tỉ mỉ bằng chất liệu Đồng nguyên chất mạ Vàng và càng nổi bật hơn trên nền Đá thủy tinh núi lửa tự nhiên được chạm khắc hình Lá sen tinh tế.

Hình ảnh 3: Bộ ly tứ quý



Trên mỗi chiếc ly là hình ảnh Tứ quý “Sen, Trúc, Cúc, Mai” mềm mại và tinh tế trên nền Bạc nguyên chất.

➤ **Sản lượng sản phẩm chính của VIMICO qua các năm**

Tổng Công ty luôn bám sát kế hoạch kỹ thuật công nghệ, kế hoạch sản lượng điều hành và các giải pháp kỹ thuật ban hành để triển khai có hiệu quả, đảm bảo an toàn trong khai thác mỏ, đáp ứng cung cấp đủ quặng nguyên khai cho khâu tuyển. Bên cạnh đó, VIMICO tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật khai thác đặc biệt là khâu khoan nổ mìn, xúc bốc, kiểm soát cung độ vận tải. Mặc dù có khó khăn về cung cấp nguyên liệu, nhưng hầu hết các nhà máy luyện kim đã duy trì hoạt động với thời gian có ích tăng, năng suất cao, các chỉ tiêu kỹ thuật đạt yêu cầu, chất lượng sản phẩm tốt, sản lượng các sản phẩm luyện kim đạt kế hoạch và cao hơn các năm trước.

TT	Nhóm Sản phẩm	Năm 2020			Năm 2021			30/09/2022		
		Sản lượng (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ/Tổng DT	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ/Tổng DT	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ lệ/Tổng DT
1	Đồng tấm	13.791	2.077.948	33,72%	13.044	2.799.659	35,03%	22.829	4.582.131	52,12%
2	Vàng	0,556	658.996	10,69%	0,604	746.695	9,34%	0,810	1.033.208	11,75%
3	Bạc	0,462	5.595	0,09%	0,670	9.556	0,12%	1,006	10.149	0,12%
4	Tinh quặng Manhetit	71.610	52.943	0,86%	79.955	74.119	0,93%	47.721	51.360	0,58%
5	Axit Sunfuaric	63.655	58.003	0,94%	88.215	70.732	0,89%	89.929	101.401	1,15%

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

6	Thiếc thời	144	53.164	0,86%	131	92.506	1,16%	59	50.101	0,57%
7	Kẽm thời	12.217	638.277	10,36%	12.133	830.052	10,39%	8.692	748.263	8,51%
8	Phôi thép	215.943	2.145.723	34,82%	197.775	2.906.563	36,37%	109.981	1.727.975	19,65%
9	Tinh quặng sắt	79.022	85.871	1,39%	47.264	53.476	0,67%	64.326	110.662	1,26%
	Tổng cộng	456.383	5.776.520	93,73%	438.518	7.583.358	94,90%	343.539	8.415.250	95,72%

Tổng sản lượng các sản phẩm khoáng sản chính của VIMICO trong năm 2021 đạt 438.518 tấn, thấp hơn 17.865 tấn so với năm 2020, tương ứng giảm 3,91%. Năm 2021, sản phẩm phôi thép chiếm 45,1% tổng sản lượng sản phẩm chính của VIMICO trong năm 2021, tiếp sau đó là sản phẩm Axít Sunfuaric và Tinh quặng Manhetit chiếm lần lượt là 20,11% và 18,23%. Sản lượng của hai sản phẩm vàng và bạc đạt 1,3 tấn và chiếm tỷ trọng thấp nhất trong cơ cấu sản lượng sản phẩm chính của VIMICO.

Tuy sản lượng của VIMICO giảm nhẹ nhưng doanh thu bán các sản phẩm chính lại tăng mạnh. Cụ thể, tổng doanh thu đến từ việc bán các sản phẩm chính năm 2021 đạt 7.583 tỷ đồng, cao hơn năm 2020 là 1.806 tỷ đồng, tương ứng tăng 31,26%. Trong đó, doanh thu sản phẩm đồng tấm và phôi thép chiếm tỷ trọng lớn nhất, lần lượt là 35,03% và 36,37% trên tổng doanh thu. Nguyên nhân chủ yếu là do giá bán bình quân các sản phẩm chính của VIMICO đều tăng mạnh so với cùng kỳ. Giá bán bình quân các sản phẩm chính trong năm 2021 và so với năm 2020 như sau:

- Giá bán bình quân sản phẩm Đồng tấm là: 214,6 triệu đồng/tấn, tăng khoảng 63,9 triệu đồng/tấn;
- Giá bán bình quân sản phẩm Kẽm thời là: 68 triệu đồng/tấn, tăng 16 triệu đồng/tấn;
- Giá bán bình quân sản phẩm Vàng là: 1.237 triệu đồng/kg, tăng 51 triệu đồng/kg;
- Giá bán bình quân sản phẩm Phôi thép là: 14,7 triệu đồng/tấn, tăng 4,8 triệu đồng/tấn.

Đến Quý III/2022, sản lượng các sản phẩm khoáng sản chính đạt 343.539 tấn. Trong đó, sản phẩm có sản lượng lớn nhất qua các năm (phôi thép) chỉ đạt 109.981 tấn, bằng 76,88% so với cùng kỳ năm 2021. Sản lượng sản xuất, tiêu thụ phôi thép đạt kết quả thấp là do Nhà máy dừng sửa chữa lò cao luyện gang từ cuối tháng 08/2022 và đến cuối tháng 10/2022 VIMICO mới bắt đầu sản xuất lại phôi thép. Doanh thu từ các sản phẩm khoáng sản chính của VIMICO trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 8.415 tỷ đồng và cao hơn năm 2021 là 832 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 10,97%. Giá bán của các sản phẩm chính thực hiện 9 tháng đầu năm 2022 so với giá bán kế hoạch đầu năm đều tăng, cụ thể:

- Đồng tấm: 200,699 triệu đồng/tấn (giá kế hoạch: 188,6 triệu đồng/tấn), tăng tuyệt đối 12,099 triệu đồng/tấn và tăng 6,42% so với giá kế hoạch;
- Kẽm thời: 85,970 triệu đồng/tấn (giá kế hoạch: 66,583 triệu đồng/tấn), tăng tuyệt đối 19,386 triệu đồng/tấn và tăng 29,11% so với giá kế hoạch;
- Thiếc thời: 850,338 triệu đồng/tấn (giá kế hoạch: 577,208 triệu đồng/tấn), tăng tuyệt đối 273,129 triệu đồng/tấn và tăng 46,98% so với giá kế hoạch;

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

triệu đồng/tấn và tăng 47,32% so với giá kế hoạch;

- Vàng: 1.276 triệu đồng/kg (giá kế hoạch: 1.210 triệu đồng/kg), tăng tuyệt đối 66 triệu đồng/kg và tăng 5,48% so với giá kế hoạch;

- Phôi thép: 15,711 triệu đồng/tấn (giá kế hoạch: 14,236 triệu đồng/tấn), tăng tuyệt đối 1,475 triệu đồng/tấn và tăng 10,36% so với giá kế hoạch.

Hiện tại, VIMICO là doanh nghiệp hàng đầu trong nước về khai thác, tuyển luyện, gia công chế biến khoáng sản kim loại màu và kim loại quý hiếm như: đồng, thiếc, kẽm, chì, vàng, bạc ... Tổng công ty là đơn vị đầu tiên sản xuất đồng tấm và kẽm thỏi từ quặng ở Việt Nam và cũng là một trong những đơn vị có quy trình công nghệ tương đối tiên tiến gắn liền từ khâu khai thác đến chế biến sâu ra sản phẩm cuối cùng như sản phẩm đồng tấm, kẽm thỏi, vàng nguyên liệu... Điểm mạnh của VIMICO so với các doanh nghiệp cùng ngành chính là VIMICO có danh mục khách hàng lớn như: Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc, Tổng công ty công nghiệp hóa chất mỏ, Tổng công ty 789, Công ty Xăng dầu Lào Cai, CTCP Lilama 10, CTCP Xi măng Tân Quang, CTCP Vimeco, CTCP Xây lắp điện I, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Tây Bắc, CTCP Vật tư nông sản, CTCP Chế tạo máy Vinacomin, Chi nhánh đá quý Việt Nhật - Vimico... Đi kèm với đó là các hợp đồng có giá trị cao, nguồn vốn đầu tư đảm bảo, tạo tiền đề cho triển vọng phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Ngoài ra, VIMICO có khả năng chế biến sâu (đồng, kẽm, thiếc kim loại,...) với quy mô lớn, trong khi đa phần các doanh nghiệp khác hiện tại chủ yếu dừng ở mức sản xuất tinh quặng hoặc công suất chế biến sâu không lớn.

6.2. Nguyên vật liệu

➤ Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của các nguồn cung cấp này

VIMICO và các công ty con hiện đang sở hữu các mỏ Đồng Sin Quyền, Vi kẽm, Bát xát, Lào Cai; mỏ Kẽm Chì Chợ Điền (Bắc Kạn), mỏ Chì Lang Hít và mỏ Cúc Đường (Thái Nguyên); mỏ sắt Nà Rạ, Cao Bằng,... là các mỏ có trữ lượng tài nguyên lớn, với thời gian khai thác các mỏ quặng lớn còn khá dài, chẳng hạn các mỏ đồng (sản phẩm chủ lực) vẫn còn thời hạn trong 10 - 20 năm, mỏ kẽm còn hơn 10 năm, các mỏ thiếc, sắt, vàng, đất hiếm có những mỏ thời hạn còn tới 26 - 27 năm. Đảm bảo cho VIMICO có thể chủ động và ổn định được nguồn nguyên liệu chính phục vụ sản xuất.

➤ Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu và chính sách tới doanh thu, lợi nhuận

- Giá cả các mặt hàng do Nhà nước quản lý, điều chỉnh giá như: xăng dầu, điện,... biến động tăng liên tục làm ảnh hưởng tới chi phí giá thành sản xuất các sản phẩm. Các sản phẩm khoáng sản chính của VIMICO chịu tác động khá mạnh từ sự biến động của giá kim loại trên thị trường thế giới (LME). Vì vậy, mọi chính sách kinh tế, đối ngoại đều có tác động đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMICO.

- Chính sách VAT mới gây bất lợi cho doanh nghiệp khai thác mỏ. Nghị định 100/2016/NĐ - CP được ban hành ngày 01/7/2016 quy định không hoàn thuế VAT đầu vào đối với các dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư. Như vậy, khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, những doanh nghiệp khai mỏ như VIMICO sẽ chịu tác động tiêu cực bởi chi phí VAT đầu vào không được

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

hoàn và phải ghi nhận thẳng vào trong giá vốn của hoạt động khai thác quặng, dẫn tới thu hẹp biên lợi nhuận.

- Quy định về cấp quyền khai thác khoáng sản ngày một phức tạp do các văn bản pháp luật mới liên tục được bổ sung, cụ thể là Nghị định 203/2013/NĐ-CP quy định mức tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Nghị định 158/2016/NĐ - CP quy định hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Những Nghị định này không chỉ khiến chi phí khai thác tăng lên mà còn khiến cho quá trình hoàn thành thủ tục cấp phép có thể bị kéo dài do chưa có sự đồng bộ giữa cơ quan cấp phép và cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền khai thác.

- Thay đổi mức giá tính thuế tài nguyên kể từ tháng 7/2017. Gần đây nhất, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 44/2017/TT-BTC trong tháng 5/2017, quy định về khung giá tính thuế tài nguyên. Tuy nhiên, Thông tư này mới chỉ ban hành khoảng giá, chưa quy định cụ thể về mức giá tại từng địa phương, khiến các doanh nghiệp khai thác gặp khó khăn trong quá trình tính toán chi phí cấp phép (tiền cấp quyền khai thác). Đồng thời, trong tương lai, khi mức giá tính thuế tài nguyên có sự thay đổi, doanh nghiệp sẽ phải thực hiện tính toán lại theo thông tư mới ban hành.

6.3. Cơ cấu Chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm 2021/2020		Lũy kế đến Quý III/2022	
	Giá trị	Tỷ lệ /DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ /DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ /DTT (%)
Giá vốn hàng bán	5.211.214	84,56%	6.039.616	75,58%	828.402	15,90%	7.703.283	87,62%
Chi phí tài chính	228.196	3,70%	195.085	2,44%	-33.111	-14,51%	234.108	2,66%
Chi phí bán hàng	62.018	1,01%	56.911	0,71%	-5.107	-8,23%	57.967	0,66%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	461.764	7,49%	559.676	7,00%	97.912	21,20%	381.014	4,33%
Chi phí khác	16.488	0,27%	14.712	0,18%	-1.776	-10,77%	51.825	0,59%
Tổng	5.979.680	97,03%	6.866.000	85,92%	886.320	14,82%	8.428.197	95,87%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022

Tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần của VIMICO giảm từ 97,03% năm 2020 xuống còn 85,92% năm 2021, chủ yếu do tỷ lệ chi phí giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm 8,98%. Tỷ lệ

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2021 giảm do VIMICO đẩy mạnh hoạt động kiểm soát, quản trị sản xuất và đồng thời do giá bán các sản phẩm khoáng sản chính của Tổng Công ty tăng cao trong năm 2021. Trong năm 2021, chi phí bán hàng và chi phí tài chính giảm khoảng 38,2 tỷ đồng, chủ yếu do giảm chi phí lãi vay; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 97,9 tỷ đồng do tăng quỹ lương; các chi phí này chiếm tỷ trọng khoảng 10% doanh thu thuần của VIMICO. 9 tháng đầu năm 2022, tổng chi phí của VIMICO đạt 8.428 tỷ đồng, cao hơn tổng chi phí trong cả năm 2021 là 1.562 tỷ đồng, gấp 1,23 lần so với năm 2021 và chiếm 95,87% doanh thu thuần của VIMICO. Trong đó, chi phí giá vốn hàng bán là 7.703 tỷ đồng, cao gấp gần 2 lần so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu do giá nhiên liệu, nguyên liệu đầu vào như xăng dầu, than cốc, tinh quặng sắt, phụ tùng vật tư, hóa chất thuốc tẩy tăng cao so với giá kế hoạch đầu năm, làm tăng chi phí và giá thành sản xuất.

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm 2021/2020		Lũy kế đến Quý III/2022	
	Giá trị	Tỷ lệ /DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ /DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ /DTT (%)
Bán thành phẩm mua ngoài	-	-	-	-	-	-	1.044.265	11,88%
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.140.332	50,95%	4.300.174	53,81%	1.159.842	36,93%	3.500.399	39,82%
Chi phí nhân công	628.754	10,20%	855.068	10,70%	226.314	35,99%	650.291	7,40%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	581.092	9,43%	640.877	8,02%	59.785	10,29%	762.694	8,68%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	509.637	8,27%	976.401	12,22%	466.764	91,59%	896.144	10,19%
Chi phí khác bằng tiền	1.199.257	19,46%	1.476.097	18,47%	276.840	23,08%	1.245.075	14,16%
Tổng	6.059.072	98,31%	8.248.618	103,22%	2.189.546	36,14%	8.098.868	92,12%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản nên chi phí cho nguyên liệu, vật liệu sản xuất luôn chiếm tỷ trọng lớn trong các nguồn chi phí của VIMICO. Chi phí này chiếm tỷ lệ lần lượt là 50,95% và 53,81% doanh thu thuần trong năm 2020 và 2021. Chi phí dịch vụ mua ngoài của VIMICO biến động khá mạnh và phụ thuộc vào việc quyết toán cho các nhà thầu phụ. Những năm gần đây, VIMICO tích cực đầu tư máy móc, thiết bị để phục vụ cho mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nên chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2021 tăng gần 60 tỷ đồng so với năm 2020. Lực lượng lao động hiện nay của Tổng Công ty có hơn 4.500 người, do đó các chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT), tiền mua bảo hộ lao động, bảo hiểm an toàn lao động,... chi phí nhân công mà Tổng Công ty phải thực hiện khá lớn, chiếm tỷ trọng khoảng 10,70% doanh thu thuần trong năm 2021. Bên cạnh chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, các chi phí khác bằng tiền cũng chiếm tỷ trọng cao so với doanh thu thuần, tương đương 18,77% trong năm 2021.

Doanh thu các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Doanh thu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm 2021/2020		Lũy kế đến Quý III/2022	
		DTT	Tỷ lệ /DTT (%)	DTT	Tỷ lệ /DTT (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	DTT	Tỷ lệ /DTT (%)
1	Doanh thu bán hàng hóa	1.079.757	17,52%	43.886	0,55%	-1.035.871	-95,94%	35.965	0,41%
2	Doanh thu bán thành phẩm	5.023.668	81,51%	7.829.170	97,97%	2.805.502	55,85%	8.672.380	98,64%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.564	0,97%	118.083	1,48%	58.519	98,25%	83.285	0,95%
	Tổng	6.162.989	100%	7.991.139	100%	1.828.150	29,66%	8.791.630	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022

Doanh thu thuần năm 2021 của VIMICO đạt 7.991 tỷ đồng, cao hơn năm 2020 là 1.828 tỷ đồng, tương ứng tăng gần 30% so với năm 2020. Trong đó, doanh thu bán thành phẩm đạt 7.829 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng cao nhất, tương ứng 97,97% doanh thu thuần của VIMICO trong năm 2021. Các mặt hàng thành phẩm của VIMICO chủ yếu là phôi thép, đồng tấm, vàng và kẽm thỏi. Năm 2021, doanh thu sản phẩm phôi thép và đồng tấm chiếm tỷ trọng lần lượt là 36,37% và 35,03% doanh thu thuần của VIMICO. Doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ bốc xúc, vận chuyển đất đá) chiếm tỷ trọng 0,97%

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

doanh thu thuần. Doanh thu bán hàng hóa (chủ yếu là mặt hàng than cốc) chiếm tỷ trọng thấp nhất, tương ứng 0,55% doanh thu thuần trong năm 2021. Giá bán bình quân các sản phẩm chính của Công ty mẹ như đồng tấm, vàng bạc và các sản phẩm của Công ty con như phôi thép, kẽm thỏi đều tăng mạnh so với cùng kỳ, là nguyên nhân chính giúp cho doanh thu thuần của VIMICO trong năm 2021 tăng mạnh so với năm 2020. 9 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần của VIMICO đạt 8.792 tỷ đồng, cao hơn 3.237 tỷ đồng và gấp 1,58 lần so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do sản lượng tiêu thụ đồng tấm 9 tháng đầu năm 2022 tăng gấp 2,45 lần so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/Giảm 2021/2020		Lũy kế đến Quý III/2022	
	Giá trị	Biên LNG (%)	Giá trị	Biên LNG (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Biên LNG (%)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	9.529	0,88%	-2.164	-4,93%	-11.693	-122,71%	372	1,03%
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	940.286	18,72%	1.941.798	24,80%	1.001.512	106,51%	1.082.679	12,48%
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	1.960	3,29%	11.889	10,07%	9.929	506,58%	5.296	6,36%
Tổng	951.775	15,44%	1.951.522	24,42%	999.747	105,04%	1.088.347	12,38%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022

Lợi nhuận gộp của VIMICO trong năm 2021 tăng mạnh, đạt 1.952 tỷ đồng, cao hơn năm 2020 gần 1.000 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 105,04%. Trong đó, Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm chiếm tỷ trọng 99% trong tổng lợi nhuận gộp. Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ không đáng kể, chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 1%. Nguyên nhân chính dẫn tới lợi nhuận gộp trong năm 2021 tăng mạnh do giá bán các sản phẩm đồng tấm, phôi thép và kẽm thỏi tăng mạnh. Giá trị lợi nhuận gộp mang lại của các mặt hàng này như sau:

- Đồng tấm: lợi nhuận gộp trong năm 2020 là âm 4 tỷ đồng, năm 2021 là 421 tỷ đồng, chênh lệch lớn hơn năm 2020 là 425 tỷ đồng.

- Phôi thép: lợi nhuận gộp trong năm 2020 là 161 tỷ đồng, năm 2021 là 415 tỷ đồng, chênh lệch lớn hơn năm 2020 là 254 tỷ đồng.

- Kẽm thỏi: lợi nhuận gộp trong năm 2020 là 42 tỷ đồng, năm 2021 là 157 tỷ đồng, chênh lệch lớn hơn năm 2020 là 115 tỷ đồng.

9 tháng đầu năm 2022, do tình hình kinh tế thế giới biến động khó lường, giá nhiên liệu, nguyên vật liệu tăng cao dẫn đến lợi nhuận gộp của VIMICO chỉ đạt 1.088 tỷ đồng, bằng 77,22% so với cùng kỳ năm trước.

6.4. Trình độ công nghệ

➤ Công nghệ khai thác:

Công nghệ khai thác mỏ được đánh giá ở mức tiên tiến, hiện đại trong đó: Mỏ đồng Sin Quyền là mỏ quặng đồng lớn nhất Việt Nam với công suất 2,5 triệu tấn/năm, khối lượng bóc đất đá hàng năm đạt 14-15 triệu m³, hệ thống khai thác xuống sâu, phối hợp dọc, ngang 2÷3 bờ công tác, có vận tải đổ bãi thải ngoài. Công đoạn khai thác gồm các công đoạn khoan nổ mìn, xúc bốc vận tải đất đá, quặng sử dụng đồng bộ thiết bị tiên tiến, công suất lớn hàng đầu trong các mỏ khai thác quặng ở Việt Nam theo các tổ hợp thiết bị.

Đối với công tác bóc đất đá:

- Thiết bị khoan: máy khoan xoay cầu đường kính lỗ khoan $d = 250$ mm, máy khoan đập xoay $d = 165$ mm.

- Thiết bị khai thác - vận tải: sử dụng tổ hợp máy xúc điện $E = 5,0 \div 5,5$ m³ kết hợp với ô tô tải trọng $q = 55 \div 60$ tấn; hoặc tổ hợp máy xúc thủy lực gầu có $E = 3,4 \div 6,7$ m³ kết hợp với ô tô tải trọng $q = 55 \div 60$ tấn.

Đối với khai thác quặng:

- Thiết bị khoan: Sử dụng máy khoan thủy lực đường kính lỗ khoan $d = 127 \div 230$ mm và máy khoan đập xoay $d = 165$ mm.

- Thiết bị khai thác - vận tải: sử dụng tổ hợp MXTLGN có $E = 3,4 \div 3,6$ m³ kết hợp với ô tô tải trọng $q = 36 \div 60$ tấn. Các thiết bị đều sử dụng của các hãng nổi tiếng thế giới như: Caterpillar, Komatsu, EKG, Atlascopco, Compare,...

Hiện nay, sau khi được Hội đồng trữ lượng quốc gia phê duyệt bổ sung 16,1 triệu tấn trữ lượng tại mỏ Sin Quyền, Tổng công ty đang thực hiện Dự án khai thác mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền để kéo dài tuổi thọ mỏ, cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định cho các nhà máy tuyển, luyện của VIMICO, dự kiến Dự án sẽ hoàn thành công tác đầu tư và sản xuất từ năm 2024. Các thiết bị khai thác - vận tải sẽ tiếp tục được đầu tư, hiện đại hóa để nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế: ô tô tải trọng 90 - 100 tấn, máy xúc dung tích 10 - 12 m³.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty đang thực hiện Dự án khai thác mỏ đồng Vi Kẽm tại Bát Xát, Lào Cai bằng phương pháp khai thác hầm lò với công suất 350.000 tấn/năm (mỏ quặng khai thác hầm lò công suất lớn nhất tại Việt Nam). Mỏ đang trong quá trình xây dựng cơ bản và đã đi vào sản xuất một phần từ năm 2021 với mục tiêu cùng với mỏ đồng Sin Quyền cung cấp đủ nguyên liệu cho nhà máy tuyển, luyện của VIMICO để sản xuất 30.000 tấn Cu cathode/năm. Hệ thống khai thác sử dụng tại mỏ Vi Kẽm là buồng lưu quặng và dọc vỉa phân tầng. Công nghệ khai thác hầm lò sử dụng có tính cơ giới hóa cao như máy khoan tự hành trong lò, máy cào vơ kết hợp với tàu điện ắc quy vận chuyển, chống giữ đường lò bằng vi chống, neo,...

➤ **Công nghệ tuyển khoáng:**

Các nhà máy tuyển quặng đồng được đầu tư đi vào sản xuất có công nghệ hiện đại và quy mô lớn nhất tại Việt Nam về tuyển quặng kim loại màu, sử dụng máy móc thiết bị hiện đại, các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ theo tiêu chuẩn của EU, G7, hiện tại đều hoạt động ổn định, năng suất cao, đạt và vượt 25% công suất thiết kế, các chỉ tiêu kỹ thuật đạt yêu cầu.

Các nhà máy tuyển quặng kẽm chỉ đã liên tục được nâng cao năng lực công nghệ, cải tiến sử dụng thiết bị Cell tuyển tiên tiến thay thế các máy tuyển nổi cơ giới, đến nay công suất tăng hơn thiết kế 50%, công nghệ hoạt động ổn định, các chỉ tiêu kỹ thuật đảm bảo.

➤ **Công nghệ luyện kim:**

Các nhà máy luyện đồng được đầu tư xây dựng đầu tiên tại Việt Nam, đồng bộ và hiện đại với quy mô lớn theo công nghệ tiên tiến của thế giới. Nhà máy luyện số 1 đi vào hoạt động từ năm 2008, nhà máy luyện số 2 đi vào hoạt động thương mại từ cuối năm 2021. Công nghệ chính trong dây chuyền là nấu luyện sten đồng bằng phương pháp thổi đáy sử dụng gió giàu oxy, điện phân dung dịch tan, nhà máy số 2 sử dụng tấm cực vĩnh cửu, làm sạch dung dịch điện tích cyclon,... hiện tại các nhà máy hoạt động ổn định, năng suất cao, công suất nhà máy luyện 1 vượt thiết kế 10 đến 20%, các chỉ tiêu kỹ thuật đạt yêu cầu, sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá trị lớn như đồng cathode, vàng, bạc, axit sulfuric, thạch cao nhân tạo,...

Nhà máy luyện kẽm sản xuất ra sản phẩm kẽm thỏi có chất lượng cao với công suất thiết kế 10.000 tấn kẽm thỏi/năm, được sử dụng công nghệ phổ biến của các nước trên thế giới, hiện tại công suất vượt 25% thiết kế, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ đạt yêu cầu.

Nhà máy sản xuất phôi thép thiết kế 220.000 tấn /năm đi vào sản xuất từ năm 2016, với cơ cấu sản phẩm đa dạng như phôi thép phục vụ cán kéo các sản phẩm thép xây dựng, phôi thép kết cấu chất lượng cao dùng để chế tạo vì kèo chống lò trong khai thác than,...Nhà máy hiện đại đạt sản lượng và các chỉ tiêu công nghệ theo thiết kế.

Một số máy móc, thiết bị đang sử dụng

TT	Tên thiết bị	Công suất, Trọng tải	Số lượng	Năm sản xuất
I	Thiết bị khai thác vận tải			
I.1	Thiết bị khai thác			
1	Máy khoan điện KQG 150Y			
-	Máy khoan KQG 150Y số 1, số 2	1,6m/phút, f165	2	2006
-	Máy khoan KQG 150Y số 03	1,6m/phút, f165	1	2008
-	Máy khoan KQG 150Y số 04	1,6m/phút, f165	1	2015
2	Máy khoan xoay cầu điện YZ35			
-	Máy khoan xoay cầu YZ số 1, số 2	1,4m/phút, f250	2	2006
-	Máy khoan xoay cầu YZ số 03	1,4m/phút, f250	1	2011

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

-	Máy khoan thủy lực CAT (MD6290)	42m/phút, f127	1	2018
3	Máy xúc thủy lực Komatsu PC600	2,7m ³	2	2007
4	Máy xúc thủy lực Komatsu PC800	3,7m ³	4	2014
5	Máy xúc thủy lực CAT 390	5,2m ³	2	2017
6	Máy xúc thủy lực CAT 365C	3,6m ³	3	2010
7	Máy xúc điện EKG 5A			
-	Máy xúc EKG 5A số 07, số 8	5,2m ³	2	2008
-	Máy xúc EKG 5A (từ số 14 đến 16)	5,2m ³	3	2012
-	Máy xúc EKG 5A số 19	5,2m ³	1	2016
8	Máy gạt komasu D85EX	199HP	4	2006
9	Máy gạt komasu D155A	314 HP	2	2006
10	Máy gạt CAT D7R	240HP	3	2011
11	Máy gạt CAT D8R	328HP	2	2018
I.2	Thiết bị vận tải			
12	Xe komasu HD325-7R			
-	Xe komasu HD325-7R (số 28 đến 32)	32 Tấn	5	2010
-	Xe komasu HD325-7R (số 33 đến 38)	32 Tấn	6	2011
13	Xe komasu HD465-7R			
-	Xe komasu HD465-7R (số 39 đến 43)	58 Tấn	5	2015
-	Xe komasu HD465-7R (số 44 đến 52)	58 Tấn	8	2017
-	Xe komasu HD465-7R (số 62 đến 71)	58 Tấn	10	2021
14	Xe CAT 773E			
-	Xe Cat 773E (số 1 đến 9)	55 Tấn	9	2013
-	Xe Cat 773E (số 10 đến 20)	58 Tấn	11	2016
-	Xe Cat 773E (số 54 đến 61)	58 Tấn	8	2019
II	Thiết bị tuyển khoáng			
1	Dây chuyền tuyển khoáng 1	1,1 triệu TNK/năm	1	2006
2	Dây chuyền tuyển khoáng 2	1,3 triệu TNK/năm	1	2019
3	Dây chuyền tuyển chì kẽm Chợ diên	100.000 TNK/năm	1	1986
4	Dây chuyền tuyển chì kẽm Lăng Hích	50.000 TNK/năm	1	2000
III	Thiết bị Luyện kim			
1	Dây chuyền Luyện đồng 1	10.000T/năm	1	2007

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

2	Dây chuyền Luyện đồng 2	20.000T/năm	1	2021
3	Dây chuyền sản xuất Gang thép	220.000T/năm	1	2015
4	Dây chuyền sản xuất Kẽm	10.000T/năm	1	2006

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

VIMICO luôn chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển các quy trình quản lý mới, biện pháp thi công mới. Quản trị tốt các quy trình từ đầu vào cho đến quá trình thi công, bảo trì... để đảm bảo cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Đến nay, VIMICO đã hoàn thành và đưa vào hoạt động sản xuất Nhà máy Luyện đồng công suất 20.000 tấn/năm từ quý IV/2021, nâng sản lượng đồng tấm năm 2021 đạt trên 18.000 tấn và đạt 30.000 tấn/năm từ năm 2022.

Bên cạnh đó, VIMICO đã thực hiện đầu tư phần mềm quản trị vật tư, tài chính kế toán thống nhất trong Công ty mẹ - Tổng Công ty.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

➤ **Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng**

VIMICO hiện đang áp dụng các Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) đối với các sản phẩm như: TCCS 01:2017/VIMICO Tinh quặng đồng, TCCS 02:2017/VIMICO Tinh quặng sắt, TCCS 03:2017/VIMICO Đồng cathode grade A, TCCS 04:2017/VIMICO Axit sunfuric, TCCS 03:2017/VIMICO Thạch cao, TCCS 03:2017/VIMICO Đồng Sunfat...

➤ **Bộ phận kiểm tra chất lượng của VIMICO**

VIMICO đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào sản xuất đến sản phẩm sản xuất ra, ban hành hệ thống quy trình kiểm soát nguyên liệu, sản phẩm chủ yếu, quy trình lấy mẫu, gia công, phân tích phục vụ giao nhận và xuất hàng tại các Chi nhánh.

Các công ty con của VIMICO về cơ bản đều có Phòng quản lý chất lượng sản phẩm (QCS) để kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu, quá trình công nghệ sản xuất và sản phẩm nhập kho, công bố TCCS với sản phẩm sản xuất.

6.7. Hoạt động Marketing

VIMICO trực tiếp gặp gỡ khách hàng sau khi đã tìm hiểu kỹ thông tin về nhu cầu của họ cũng như khả năng cung ứng sản phẩm/dịch vụ của VIMICO, phát tờ rơi quảng cáo để tiếp thị giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) bằng Marketing Mix tổng thể (tiếp thị quan hệ, tiếp thị nội tại, tiếp thị tích hợp và tiếp thị đáp ứng về mặt xã hội) với sự kết hợp của 4C (giải pháp, chi phí, thuận tiện và giao tiếp/truyền thông) với 4P (sản phẩm, giá cả, phân phối, xúc tiến thương mại), tiếp thị qua điện thoại (telemarketing) v.v.. để dẫn tới đàm phán các giải pháp hai bên cùng có lợi (win-win).

6.8. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Ngày 05/6/2015 Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã được cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu VIMICO số.4-0246540-000 với các nội dung sau:



+ Nhãn hiệu:

+ Sản phẩm, dịch vụ: Axit Sunfuric; bột oxit kẽm; Đồng tấm âm cực; tinh quặng Magnetit; kẽm thỏi; thiếc thỏi; phôi gang (gang nguyên liệu – không phải vật liệu xây dựng); hợp kim FeroSilic; hợp kim Fero Mangan; quặng sắt; tinh quặng Ilmenit; tinh quặng chì; tinh quặng Wonframit; Vàng nguyên liệu; bạc nguyên liệu.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện (Hợp đồng bán hàng)

TT	Tên Hợp đồng	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác trong hợp đồng
1	01/HĐKT/TKV- VIMICO/2021	14.000	05/2021 – 04/2024	Đồng tấm Cathode	Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam
2	58/2022/HĐTK/ĐTP- VIMICO	1.190	02/2022 – 01/2023	Tinh quặng đồng	CTCP Đồng Tả Pờì - Vinacomín
3	3486/HĐ-VT/2022	450	11/2022- 12/2022	Phôi thép	CTCP Chế tạo máy - Vinacomín
4	99/HĐKT/2022	38	07/2022 – 12/2022	Axit Sunfuric	CTCP Hóa chất Đức Giang – Lào Cai
5	90/HĐKT/2022	30	06/2022 – 12/2022	Tinh quặng Manhetit	Công ty TNHH Nam Tiến
6	112/HĐKT/2022	27	07/2022 – 12/2022	Axit Sunfuric	Công ty CP Vật tư nông sản
7	49/HĐKT/2022	12	04/2022 – 12/2022	Tinh quặng Manhetit	Công ty TNHH Thiết bị CN GTN Việt Nam

Nguồn: VIMICO

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh - Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/Giảm 2021/2020		Lũy kế đến Quý III/2022
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	
Tổng giá trị tài sản	6.589.799	8.969.608	2.379.809	36,11%	8.574.727
Vốn chủ sở hữu	2.227.446	2.632.642	405.196	18,19%	2.415.394
Doanh thu thuần	5.992.588	7.848.011	1.855.423	30,96%	8.412.316
Lợi nhuận từ HĐKD	197.996	692.707	494.711	249,86%	204.558
Lợi nhuận khác	95	-5.741	-5.836	(*)	-10.295
Lợi nhuận trước thuế	198.091	686.966	488.875	246,79%	194.262
Lợi nhuận sau thuế	176.923	561.327	384.404	217,27%	136.695
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	67,83%	53,44%	/	-14,39%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	7,94%	21,32%	/	13,38%	-

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC Công ty mẹ Quý III/2022 của VIMICO

(*) Không tính do số liệu so sánh âm

Tổng giá trị tài sản công ty mẹ của VIMICO trong năm 2021 đạt 8.970 tỷ đồng, tăng 2.380 tỷ đồng so với năm 2020, tương ứng tỷ lệ 36,11%.

Doanh thu thuần công ty mẹ của VIMICO trong năm 2021 đạt 7.848 tỷ đồng, tăng 1.855 tỷ đồng so với năm 2020, tương ứng tỷ lệ 30,96%.

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VIMICO trong năm 2021 đạt 561 tỷ đồng, tăng gấp 3,17 lần so với năm 2020.

9 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần công ty mẹ của VIMICO đạt 8.575 tỷ đồng, cao gấp 1,56 lần so với cùng kỳ năm trước (cao hơn cùng kỳ năm trước 3.033 tỷ đồng) nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 137 tỷ đồng, bằng 43,35% so với cùng kỳ năm trước (thấp hơn cùng kỳ năm trước 179 tỷ đồng).

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/Giảm 2021/2020		Lũy kế đến Quý III/2022
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	
Tổng giá trị tài sản	8.571.269	11.252.252	2.680.983	31,28%	10.961.416

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Vốn chủ sở hữu	2.448.518	3.183.012	734.494	29,66%	3.029.728
Doanh thu thuần	6.162.989	7.991.139	1.828.150	29,66%	8.791.630
Lợi nhuận từ HĐKD	245.132	1.153.994	908.862	370,76%	420.621
Lợi nhuận khác	-2.045	-10.026	(*)	(*)	-47.399
Lợi nhuận trước thuế	243.087	1.143.968	900.881	370,60%	373.222
Lợi nhuận sau thuế	204.647	958.412	753.765	368,32%	287.304
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	8,36%	30,11%	/	21,75%	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022 của VIMICO

() Không tính do số liệu so sánh âm*

Tổng giá trị tài sản hợp nhất của VIMICO trong năm 2021 đạt 11.252 tỷ đồng, tăng 2.680 tỷ đồng so với năm 2020, tương ứng tỷ lệ 31,28%. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2021, tài sản cố định tăng khoảng 528 tỷ đồng; lượng hàng tồn kho tăng khoảng 2.296 tỷ đồng để thực hiện Dự án mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai mới đi vào hoạt động, bao gồm: tồn kho về sản phẩm đưa về nhà máy chưa tiêu thụ, nguyên liệu nhập về chưa đưa vào sản xuất.

Doanh thu thuần hợp nhất của VIMICO trong năm 2021 đạt 7.991 tỷ đồng, tăng 1.828 tỷ đồng so với năm 2020, tương ứng tăng gần 30%, chủ yếu đến từ việc bán thành phẩm, chiếm tỷ trọng cao nhất, tương ứng 97,97% doanh thu thuần của VIMICO trong năm 2021.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của VIMICO trong năm 2021 đạt 958 tỷ đồng, tăng gấp 4,7 lần so với năm 2020. Nguyên nhân chính dẫn tới lợi nhuận tăng mạnh do năm 2021 vừa qua, giá bán bình quân các sản phẩm chính của Công ty mẹ như đồng tấm, vàng bạc và các sản phẩm của Công ty con như phôi thép, kẽm thỏi đều tăng mạnh so với cùng kỳ.

Lợi nhuận khác hợp nhất của VIMICO trong năm 2021 là âm 10 tỷ đồng, chủ yếu do phát sinh một số khoản chi phí dự án dừng triển khai (4,5 tỷ đồng), các khoản nộp bổ sung theo kết luận của các đoàn Thanh kiểm tra và các khoản chậm nộp tại một số công ty con (tổng 498 triệu đồng).

9 tháng đầu năm 2022, doanh thu thuần của VIMICO đạt 8.792 tỷ đồng, cao gấp 1,58 lần so với cùng kỳ năm trước (cao hơn cùng kỳ năm trước 3.237 tỷ đồng) nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 287 tỷ đồng, bằng 41,06% so với cùng kỳ năm trước (thấp hơn cùng kỳ năm trước 412 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do sản lượng tiêu thụ đồng tấm tăng gấp 2,45 lần so với cùng kỳ năm trước nhưng lại tăng chủ yếu vào Quý III/2022 khi giá bán sản phẩm đồng tấm xuống thấp. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ đồng tấm 6 tháng đầu năm 2022 đạt 11.821 tấn và kết thúc 9 tháng đầu năm 2022 đã đạt 22.829 tấn, tuy nhiên, bắt đầu từ Quý III/2022, giá đồng tấm giảm sâu, từ khoảng 9.537 USD/tấn vào đầu tháng 6/2022 xuống còn bình quân lần lượt là 7.446 USD/tấn, 7.700 USD/tấn và 7.433 USD/tấn trong tháng 7/2022, tháng 8/2022 và tháng 9/2022. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế thế giới biến động khó lường, giá nhiên liệu, nguyên liệu đầu vào như xăng dầu, than cốc, tinh quặng sắt, phụ tùng vật tư, hóa chất thuốc tẩy tăng cao so với giá kế hoạch đầu năm, làm tăng chi phí và giá thành sản xuất.

➤ **Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo:**

Thuận lợi: Tổng công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của cổ đông lớn - Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, sự đồng thuận, đoàn kết của Ban lãnh đạo, của tập thể người lao động. Đội ngũ CNKT lành nghề có kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Nhà máy mới đi vào sản xuất đã hoạt động ổn định, trình độ quản lý vận và hành tốt hơn, lãi vay đang ở mức ổn định thuận lợi cho hoạt động SXKD – ĐTXD. Dây chuyền công nghệ sản xuất khép kín từ khâu khai thác - tuyển - luyện. Tổng công ty được giao quản lý, tổ chức khai thác các mỏ đồng, chì kẽm, quặng sắt có trữ lượng lớn, có nguồn nguyên liệu chính ổn định phục vụ chế biến sâu, không phải phụ thuộc vào thị trường bên ngoài.

Khó khăn:

- Về sản xuất: Một số mỏ sản lượng khai thác đạt thấp so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc làm chậm một số dự án so với tiến độ (nấn suối Nậm Chỏn; khu Bắc Nà Rựa; bãi thải Tây Nam mỏ Sin Quyền; Điều kiện khai thác các mỏ thiếc sa khoáng khó khăn, khai trường xuống sâu, diện tích hẹp, chiều cao bờ công tác lớn, khai tuyển lại bãi thải cũ (mỏ Tĩnh Túc);... ảnh hưởng đến công tác vận tải và giá thành khai thác.

- Về đầu tư: Dự án Nhà máy Luyện đồng công suất 20.000 tấn/năm đã đưa vào sản xuất từ Quý IV/2021, tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên bị chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều hành, tổ chức sản xuất, mua bán sản phẩm, nguyên nhiên vật liệu. Đặc biệt là tại dự án Luyện đồng 2, nhiều lúc chuyên gia không nhập cảnh được, thiết bị không nhập khẩu được nên tiến độ bị chậm so với kế hoạch đề ra. Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch tiếp tục bị lỡ.

- Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ giảm cả về hàm lượng và trữ lượng do chủ yếu là khai thác tận thu, nạo vét (thiếc, chì kẽm, khu Nam sắt Nà Rựa).

- Công tác xin cấp, gia hạn giấy phép khai thác mỏ và hoàn thiện các thủ tục khác gặp nhiều khó khăn, kéo dài ảnh hưởng đến khả năng cung cấp nguyên liệu trong dài hạn. Một số mỏ đã được cấp phép nhưng chưa đủ điều kiện để khai thác do khó khăn về thị trường, công nghệ chế biến, thu xếp tài chính (mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, mỏ đất hiếm Đông Pao).

- Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, nhiều vướng mắc tại một số dự án rất khó tháo gỡ.

- Biến động giá cả thị trường đầu vào tăng mạnh làm tăng chi phí sản xuất.

8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP hiện tại là doanh nghiệp có vị trí hàng đầu trong nước về khai thác, tuyển luyện, gia công chế biến khoáng sản kim loại màu và kim loại quý hiếm như: đồng, thiếc, kẽm, chì, vàng, bạc ... Tổng Công ty là đơn vị đầu tiên sản xuất đồng tấm và kẽm thỏi từ quặng ở Việt Nam và cũng là một trong những đơn vị có quy trình công nghệ tương đối tiên tiến gắn liền từ khâu khai thác đến chế biến sâu ra sản phẩm cuối cùng như sản phẩm đồng tấm, kẽm thỏi, vàng nguyên liệu...

Hiện tại, Tổng Công ty là một trong các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản kim loại màu ở Việt Nam. Các công ty khác như Công ty TNHH Mỏ Nikel Bản Phúc (mỏ Bản Phúc); Công ty CP Khai thác Chế biến Khoáng sản Việt (VMPCo); Công ty CP Tập đoàn Công nghiệp Tây Giang (TG Group); Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc hay Tập đoàn Masan (mỏ Núi Pháo) có mặt hàng liên quan tới đồng/vàng nhưng tổng sản lượng có thể khai thác không lớn (Bản Phúc có trữ lượng Đồng kim loại quy đổi khoảng 45.000 tấn, Núi Pháo có trữ lượng Đồng kim loại quy đổi khoảng 110.000 tấn và Vàng kim loại quy đổi khoảng 11,7 tấn). Hiện tại Bản Phúc và Núi Pháo chỉ sản xuất tinh quặng mà chưa/không chế biến thành đồng kim loại; các sản phẩm của Khoáng sản Việt/Tây Giang/Tây Bắc là tinh quặng mangan, chì, kẽm, đồng, sắt, antimony, molybden v.v. nhưng sản lượng không lớn.

Tổng Công ty Khoáng sản - TKV hiện nay phải đối mặt với cạnh tranh từ các doanh nghiệp khai thác khoáng sản ở trong nước và nước ngoài, trong đó cạnh tranh từ các doanh nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản trong nước là chính. Các đối thủ cạnh tranh trực tiếp tại các địa phương đa số là các công ty nhỏ về quy mô sản xuất, lạc hậu về công nghệ thiết bị. Hơn nữa, các công ty này không được giao những mỏ khoáng sản lớn, do đó, thường không dám mạo hiểm hoặc đủ độ tin cậy để có thể huy động được các nguồn vốn lớn từ các tổ chức tín dụng.

So với các doanh nghiệp khác, VIMICO có khả năng chế biến sâu (đồng, kẽm, thiếc kim loại,...) với quy mô lớn, trong khi đa phần các doanh nghiệp khác hiện tại chủ yếu dừng ở mức sản xuất tinh quặng hoặc công suất chế biến sâu không lớn. Đội ngũ CBCNV của VIMICO có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân lành nghề, làm chủ được công nghệ và VIMICO có thương hiệu các sản phẩm chính tốt. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, nhiều doanh nghiệp của Việt Nam như Massan, Hòa Phát, Việt Phương, VIDIFI, Khoáng sản Việt, ... và các công ty nước ngoài (Trung Quốc, Úc, Nhật Bản,...) đã có những liên kết với nhau tạo thành một thế lực lớn có tiềm lực về tài chính, công nghệ là các đối thủ cạnh tranh rất lớn.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú, đa dạng. Đứng đầu trong chuỗi giá trị sản xuất, ngành khoáng sản cung cấp đầu vào cho rất nhiều ngành công nghiệp sản xuất, chế tạo, xây dựng.

Do đó, sự phát triển của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng sẽ tạo ra sức cầu quan trọng cho sản phẩm ngành khoáng sản. Dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và Việt Nam trong các năm tới cho thấy nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất còn rất lớn, do vậy tiềm năng phát triển ngành khoáng sản vẫn còn nhiều. Trung Quốc không chỉ là nhà cung cấp mà còn là nước tiêu thụ khoáng sản nhiều nhất trên thế giới. Đối với Việt Nam, Trung Quốc là bạn hàng lớn nhất. Được đánh giá là nước có tiềm năng phát triển kinh tế lớn nhất hiện nay, lại có vị trí địa lý ngay gần Việt Nam, nhu cầu nhập khẩu khoáng sản của Trung Quốc gia tăng mạnh mẽ sẽ thúc đẩy ngành khoáng sản Việt Nam.

Tuy nhiên, hầu hết các doanh nghiệp khai khoáng của Việt Nam chưa đầu tư đúng mức cho kỹ thuật, một số doanh nghiệp áp dụng hệ thống khai thác thủ công, gây lãng phí tài nguyên và ảnh hưởng môi trường sinh thái. Nhằm khắc phục tình trạng lãng phí tài nguyên khoáng sản và dự trữ cho phát

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

triển trong tương lai, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011, theo đó, một số quan điểm chỉ đạo phát triển khai khoáng như sau:

- Việc thăm dò, khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến, sử dụng phù hợp với tiềm năng của từng loại khoáng sản và nhu cầu của các ngành kinh tế;

- Chế biến khoáng sản phải sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, nâng cao hệ số thu hồi khoáng sản và mức độ chế biến sâu khoáng sản;

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tiếp thu khoa học hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến trong điều tra, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản;

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, thăm dò khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ tài nguyên. Thí điểm việc đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản để tiến tới thực hiện rộng rãi phương pháp quản lý trên.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh nghiệp	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	VIMICO
Mã CK	VPG (HOSE)	MVB (HNX)	KSB (HOSE)	KSV
Vốn điều lệ	431.197	1.050.000	736.312	2.000.000
Doanh thu thuần	3.863.572	4.926.878	884.273	7.991.139
Lợi nhuận sau thuế	421.298	338.665	252.813	958.412
Vốn chủ sở hữu	913.388	1.993.719	1.787.856	3.183.012
Tổng tài sản	2.383.899	3.677.974	3.984.855	11.252.252
EPS (đồng)	9.282	2.353	2.953	3.486
ROE	58,86%	15,00%	15,00%	28,84%
ROA	21,41%	7,77%	6,39%	7,03%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của các công ty

So với các doanh nghiệp cùng ngành khai thác khoáng sản nêu trên, VIMICO có quy mô doanh thu lớn nhất, tiếp sau đó là MVB, VPG và KSB. Lợi nhuận sau thuế của VIMICO vượt trội hơn cả 3 doanh nghiệp cùng ngành khi cao hơn VPG, MVB, KSB lần lượt là 2,27 lần, 2,83 lần và 3,79 lần. Qua chỉ số EPS có thể thấy VIMICO đang sử dụng vốn hiệu quả hơn MVB và KSB. Bên cạnh đó, hiệu suất sử dụng vốn của VIMICO chỉ thấp hơn VPG và cao hơn gần gấp đôi so với MVB và KSB. Thực tế,

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

chỉ số ROE (28,84%) và ROA (7,03%) thấp hơn mức ROE và ROA bình quân của 3 doanh nghiệp cùng ngành lần lượt là: 0,78% và 4,83%.

8.4. Sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Nắm bắt được triển vọng phát triển của ngành, song song việc đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu hiện có của Tổng Công ty, Ban lãnh đạo của Tổng công ty đã đề ra phương hướng sản xuất kinh doanh trong những năm tới là:

- Tập trung khai thác và chế biến sâu các loại khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng tốt mà trọng tâm là quặng đồng, quặng sắt, quặng kẽm và đất hiếm. Mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở luyện kim hiện có, xây dựng một số cơ sở luyện kim mới với công nghệ hiện đại bên cạnh các mỏ khoáng sản công suất lớn hoặc tại các vùng tập trung các mỏ khoáng sản.

- Hình thành các tổ hợp hoặc trung tâm khai thác mỏ kim loại - luyện kim đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hiện đại bao gồm cả công nghiệp phụ trợ có quy mô phù hợp với quy mô trữ lượng khoáng sản của từng cụm mỏ, vùng mỏ hoặc khu vực, nhất là ở vùng Việt Bắc, Tây Bắc.

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là các sản phẩm đồng, sắt, kẽm, thiếc, các sản phẩm từ đất hiếm.

- Quan tâm phát triển ở quy mô hợp lý một số ngành, lĩnh vực liên quan đến ngành sản xuất chính như xây lắp công trình công nghiệp mỏ, tuyển, luyện kim; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí (chi tiết, cụm chi tiết, sản phẩm đồng bộ); sửa chữa trung, đại tu ô tô, thiết bị khai thác mỏ, thiết bị tuyển, luyện kim và các thiết bị cơ khí, động lực khác phục vụ hoạt động sản xuất chính; sản xuất các mặt hàng công nghiệp, dân dụng, hóa chất từ khoáng sản, kim loại; gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ từ sản phẩm khoáng sản và kim loại.

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phần đầu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế về các nguyên liệu khoáng và sản phẩm kim loại, nhất là các kim loại màu.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lại cơ cấu vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn.

Với tiềm năng phát triển của mình, cùng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, định hướng phát triển của VIMICO hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại.

9. Chính sách đối với người lao động

➤ Số lượng người lao động Công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2022

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ chuyên môn lao động	4.929	100%

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

1	Trên đại học	56	1,14%
2	Trình độ đại học và tương đương	1.026	20,82%
3	Trình độ cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	1.441	29,24%
4	Trình độ sơ cấp nghề, CNKT, LĐPT	2.406	48,81%
II	Phân loại theo Hợp đồng lao động	4.929	100%
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0,00%
2	Hợp đồng Lao động không xác định thời hạn	3.561	72,25%
3	Hợp đồng Lao động thời hạn 1÷3 năm	1.368	27,75%
4	Hợp đồng Lao động thời vụ	112	Không bao gồm trong phân loại theo HĐLĐ
III	Phân loại theo giới tính	4.929	100%
1	Lao động là Nam giới	3.902	79,16%
2	Lao động là Nữ giới	1.027	20,84%

Nguồn: VIMICO

Công ty mẹ Tổng Công ty có đội ngũ CNKT nhiều kinh nghiệm, có tay nghề cao, bên cạnh đó đội ngũ cán bộ gián tiếp đa số có trình độ từ đại học trở lên cũng là những người góp phần quan trọng vào sự phát triển của Tổng công ty.

➤ **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

• **Chế độ làm việc:**

Người lao động trong Tổng Công ty đều được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ phúc lợi theo đúng quy định.

Tổng Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, ... theo đúng Luật hiện hành. Nhiều chế độ cho người lao động ưu việt hơn so với Luật quy định đã được Tổng Công ty cùng công đoàn thống nhất đưa vào Thỏa ước lao động để thực hiện đảm bảo tốt nhất cho người lao động.

• **Chính sách tuyển dụng, đào tạo:**

Có chính sách thu hút, tuyển dụng lao động tay nghề cao về làm việc tại Tổng Công ty. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển, Tổng công ty đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Tổng Công ty đã tổ chức và tham gia nhiều chương trình đào tạo lý luận, chuyên môn nghiệp vụ,... và luôn tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập nâng cao phục vụ cho công việc. Xây dựng và phát triển phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Tổng công ty

• **Chính sách lương, thưởng:**

Tổng Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo Quy chế quản lý lao động tiền lương của Tổng Công ty. Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động trong Tổng Công ty căn cứ vào hiệu

quả kinh doanh, vị trí công việc, thành tích đóng góp nhằm khuyến khích người lao động và phòng, ban, phân xưởng xuất sắc, từ đó người lao động tiếp tục phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

• **Chế độ phúc lợi:**

Bên cạnh chính sách về lương, thưởng, Tổng Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động. Chính sách phúc lợi được xây dựng rất chi tiết và thường xuyên được Ban Lãnh đạo Công ty mẹ Tổng Công ty nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho CBCNV, qua đó góp phần tạo động lực, khích lệ CBCNV đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Tổng Công ty, bao gồm:

- Chính sách chăm sóc sức khỏe: Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhà nước như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Công ty mẹ còn mua Bảo hiểm nhân thọ cho những công nhân có tay nghề cao. Mỗi năm 01 lần tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động nói chung và 02 lần cho người lao động là công nhân sản xuất trực tiếp.

- Hoạt động phong trào, du lịch, nghỉ dưỡng: Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức cho những CBCNV là chiến sỹ thi đua, lao động giỏi đi tham quan du lịch trong nước và nước ngoài, tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể đồng thời cũng là cơ hội để gặp gỡ, trao đổi và tạo mối quan hệ giữa CBCNV và mối quan hệ giữa các đơn vị thành viên.

- Chi bổ sung lương những dịp đặc biệt trong năm: Vào các dịp Quốc tế Phụ nữ, Ngày Giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước 30/4, Quốc tế Lao động 1/5, Quốc khánh 2/9, ngày truyền thống Ngành v.v...,

10. Chính sách cổ tức và phân phối lợi nhuận

Theo Điều lệ của VIMICO, lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật phần còn lại được sử dụng như sau:

- Chia cổ tức;
- Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty nhưng không được vượt quá mức Hội đồng quản trị đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phần và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này. Tổng công ty

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần, trình tự và thủ tục thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phần thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Tổng công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tình hình chi trả cổ tức trong 02 năm gần đây:

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức chi trả	Ngày chi trả cổ tức
2020	6%	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	10/09/2021
2021	15%	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	15/09/2022

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Tổng Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Tài sản cố định của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 – 37 năm
- Máy móc thiết bị : 05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải : 05 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 03 – 10 năm
- Tài sản cố định khác : 05 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất : Không thời hạn

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

- Phần mềm quản lý : 03 – 05 năm

b) Mức lương bình quân Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Số lao động bình quân (người)	4.310	4.618
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.929.000	14.276.000

Nguồn: VIMICO

Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Tổng Công ty được đảm bảo tốt so với thu nhập bình quân của người lao động cùng ngành trên địa bàn thành phố Hà Nội và các khu vực lân cận.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021, Tổng Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Thuế giá trị gia tăng	60	9.904	231
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.536	50.098	11.397
Thuế thu nhập cá nhân	771	3.838	175
Thuế tài nguyên	1.154	30.732	37.093
Thuế nhà đất	-	-	3.425
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.699	24.258	91.301
Tổng cộng	36.220	118.831	143.623

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý III/2022 của VIMICO

Các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Thuế giá trị gia tăng	35.900	26.210	27.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.603	73.484	43.287
Thuế thu nhập cá nhân	1.124	4.581	715
Thuế tài nguyên	23.664	46.690	45.111
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	95	33	7.685
Thuế bảo vệ môi trường và thuế khác	312	1.833	-108

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	174.957	197.806	256.708
Tổng cộng	269.656	350.637	381.034

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022 của VIMICO

Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Hiện tại, Tổng Công ty không có khoản nợ thuế hay các khoản phải nộp nào quá hạn.

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.184	20.295	35.923
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	4.700	4.438	4.432
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	189.793
Tổng Cộng	17.884	24.733	230.148

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý III/2022 của VIMICO

Số dư các quỹ – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Quỹ khen thưởng phúc lợi	21.667	26.590	48.749
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	4.700	4.438	4.432
Quỹ đầu tư phát triển	4.633	4.633	194.425
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	405	405	405
Tổng Cộng	31.405	36.066	248.011

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022 của VIMICO

f) Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ vay – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
-----------	------------	------------	------------

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Vay nợ ngắn hạn, trong đó:	1.274.667	1.295.359	1.181.809
- Vay ngắn hạn	959.099	1.288.075	1.172.637
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	315.568	7.284	9.172
Vay nợ dài hạn, trong đó:	1.415.548	1.854.499	1.750.388
- Vay dài hạn	1.731.116	1.861.782	1.759.560
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-315.568	-7.284	-9.172
Tổng Cộng	2.690.215	3.149.858	2.932.197

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý III/2022 của VIMICO

Tổng dư nợ vay – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Vay nợ ngắn hạn, trong đó:	1.698.886	1.819.121	1.749.599
- Vay ngắn hạn	1.190.108	1.599.668	1.629.739
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	508.779	219.453	119.860
Vay nợ dài hạn, trong đó:	2.123.822	2.354.666	2.186.685
- Vay dài hạn	2.632.601	2.574.119	2.306.545
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-508.779	-219.453	-119.860
Tổng Cộng	3.822.708	4.173.787	3.936.284

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022 của VIMICO

(Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính hợp nhất tại trang tiếp theo)

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính – Hợp nhất

	31/12/2021 VND	Phát sinh trong năm VND	01/01/2021 VND
	Giá trị	Tăng	Giảm
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.819.120.934.169	3.637.429.629.095	1.698.886.758.478
Vay ngắn hạn các Ngân hàng	1.599.667.532.986	3.419.617.993.648	1.190.107.873.105
Vay và Nợ tài chính dài hạn đến hạn trả	219.453.401.183	217.811.635.447	508.778.885.373
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.354.665.652.321	473.938.675.566	2.123.821.882.236
Tổng	4.173.786.586.490	4.111.368.304.661	3.822.708.640.714

Thông tin bổ sung về các khoản vay:

Các hợp đồng Vay ngắn hạn	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Mẹ				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Thả nổi có điều chỉnh	Tin chấp	124.099.584.955	188.411.842.292
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh SGD3	Thả nổi có điều chỉnh	Tin chấp	344.000.000.000	300.000.000.000
Các hợp đồng Vay ngắn hạn			1.599.667.532.986	1.190.107.873.105

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	57.129.762.993	61.408.619.941
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đông Đô	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	30.000.000.000	29.920.545.005
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	186.181.438.041	199.357.954.651
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	217.596.880.368	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	46.702.911.120	80.000.000.000
Shinhanbank	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	79.776.023.172	-
Ngân hàng TNHH một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam)	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	132.588.819.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	70.000.000.000	-
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng - Vimico				
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Cao Bằng			-	4.495.349.389
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng - Vimico				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	272.834.138.773	225.913.561.827
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	27.383.440.538	
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng			-	600.000.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên Vimico				
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	Thả nổi có điều chỉnh	Tín chấp	11.374.534.026	-



BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

		chính			
Công:					
Vay và Nợ dài hạn đến hạn trả		219.453.401.183		508.778.885.373	
Vay và Nợ thuê tài chính ngắn hạn		1.819.120.934.169		1.698.886.758.478	
Các hợp đồng Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn					
Công ty Mẹ					
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
	2023	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	381.446.555.035	572.150.782.939
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2028	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	334.476.115.486	239.042.579.075
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	2029	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	101.515.037.083	39.362.262.469
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Lào Cai	2028	8,55%	Tài sản đảm bảo	967.843.995.049	776.362.680.049
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Lào Cai	2023	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	2.515.384.000	6.675.469.897
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Lào Cai	2024	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	5.225.143.775	7.315.203.775
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Lào Cai	2023	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	1.446.265.773	2.164.265.773
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Lào Cai	2023	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	7.679.312.395	4.409.448.000
Công ty Cho thuê tài chính VCB	2023	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	5.548.175.825	9.246.959.713
Công ty Cho thuê tài chính	2029	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	54.087.013.000	74.386.837.000

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Vietinbank	chính	bảo		
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng - Vimico				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cao Bằng	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	3.700.000.000	2.900.000.000
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng - Vimico				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cao Bằng	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	168.600.000.000	255.400.000.000
Ngân hàng XNK Trung Quốc (USD)	3,50%		511.136.440.973	611.845.241.000
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cao Bằng	Thả nổi có điều chỉnh	Bảo lãnh	505.288.755	1.172.777.073
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên Vimico				
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	25.773.854.355	25.735.468.846
Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên	2,60%	Bảo lãnh	1.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Thả nổi có điều chỉnh	Tài sản đảm bảo	1.620.472.000	2.430.792.000
<i>Trừ:</i>				
Vay và Nợ dài hạn đến hạn trả			219.453.401.183	508.778.885.373
Vay và Nợ thuê tài chính dài hạn			2.354.665.652.321	2.123.821.882.236

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

g) Tình hình công nợ hiện nay

➤ **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu – Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Phải thu ngắn hạn	1.127.577	497.524	492.932
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	948.725	354.770	417.062
Trả trước cho người bán ngắn hạn	91.349	19.973	42.100
Phải thu ngắn hạn khác	94.540	129.458	37.917
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-7.037	-6.677	-4.148
Phải thu dài hạn	22.854	27.558	30.543
Phải thu dài hạn khác	22.854	27.558	30.543
Tổng cộng	1.150.431	525.082	523.475

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý III/2022 của VIMICO

Các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Phải thu ngắn hạn	790.083	395.713	415.837
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	581.165	245.067	293.578
Trả trước cho người bán ngắn hạn	105.808	32.359	62.287
Phải thu ngắn hạn khác (**)	111.449	128.059	69.914
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-8.339	-9.772	-9.942
Phải thu dài hạn	58.819	66.660	80.225
Phải thu dài hạn khác (**)	58.819	66.660	80.225
Tổng cộng	848.902	462.373	496.062

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022 của VIMICO

(*): Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	245.066.646.035	581.165.039.787
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	78.351.017.250	58.458.224.836
Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	42.945.314.853	2.050.170.124

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Tập đoàn CN Than Khoáng sản Việt Nam	132.400.000	86.875.639.509
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	24.157.576.612	-
Các khách hàng khác	99.480.337.320	433.781.005.318
Tổng	245.066.646.035	581.165.039.787
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	43.801.962.264	124.199.553.301

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của VIMICO

(): Chi tiết các khoản phải thu khác:**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	128.058.938.591	(498.339.244)	111.448.917.639	(498.339.244)
- Phải thu về cổ phần hóa	339.250.600	-	339.250.600	-
- Tạm ứng	11.328.397.703	-	10.364.121.162	-
- Ký cược, ký quỹ	200.000.000	-	1.848.637.000	-
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	71.214.792.242	-
- Công ty Cho thuê TC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.840.372.344	-	6.655.159.332	-
- Công ty CP Hữu hạn Kim loại màu Trung Quốc	86.534.084.478	-	2.037.180.764	-
- Phải thu khác	24.816.833.466	(498.339.244)	18.989.776.539	(498.339.244)
Dài hạn	66.659.773.742	-	58.819.485.462	-
- Ký cược, ký quỹ	66.659.773.742	-	58.819.485.462	-
Tổng	194.718.712.333	(498.339.244)	170.268.403.101	(498.339.244)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	71.214.792.242	-

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của VIMICO

➤ **Các khoản phải trả:**

Các khoản phải trả - Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Tổng nợ ngắn hạn	2.651.430	4.122.305	3.955.584
Phải trả người bán ngắn hạn	630.677	1.860.460	1.594.639
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.153	14.284	20.758
Thuế và các khoản phải nộp NN	36.220	118.831	143.623
Phải trả người lao động	111.898	147.385	92.703
Chi phí phải trả ngắn hạn	31.794	16.210	397.788
Phải trả ngắn hạn khác	543.838	649.480	488.342
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.274.667	1.295.359	1.181.809
Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.184	20.295	35.923
Tổng nợ dài hạn	1.706.620	2.211.306	2.202.142
Người mua trả tiền trước dài hạn	285.666	313.649	406.260
Phải trả dài hạn khác	-	12.833	11.833
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.415.548	1.854.499	1.750.388
Dự phòng phải trả dài hạn	706	25.887	29.230
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	4.700	4.438	4.432
Tổng cộng	4.358.050	6.333.610	6.157.726

Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2021, BCTC công ty mẹ Quý III/2022 của VIMICO

Các khoản phải trả - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Tổng nợ ngắn hạn	3.688.735	5.350.527	5.287.529
Phải trả người bán ngắn hạn (***)	906.725	2.181.975	1.901.505
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	34.319	21.849	25.699
Thuế và các khoản phải nộp NN	269.656	350.637	381.034
Phải trả người lao động	167.720	241.117	199.423
Chi phí phải trả ngắn hạn	44.693	26.996	429.708
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	572	1.097	465
Phải trả ngắn hạn khác (****)	542.300	679.631	549.834

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

KHOẢN MỤC	31/12/2020	31/12/2021	30/09/2022
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.698.887	1.819.121	1.749.599
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.196	1.515	1.515
Quỹ khen thưởng phúc lợi	21.667	26.590	48.749
Tổng nợ dài hạn	2.421.322	2.707.705	2.635.456
Người mua trả tiền trước dài hạn	285.666	313.649	406.260
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	919	507	747
Phải trả dài hạn khác (****)	1.289	1.304	1.334
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.123.822	2.354.666	2.186.685
Dự phòng phải trả dài hạn	4.926	33.141	35.998
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	4.700	4.438	4.432
Tổng cộng	6.110.056	8.058.232	7.922.985

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, BCTC hợp nhất Quý III/2022 của VIMICO

(*)**: Chi tiết các khoản phải trả người bán ngắn hạn:

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	2.181.974.571.085	2.181.974.571.085	906.725.321.055	906.725.321.055
Công ty CP hữu hạn kim loại màu Trung Quốc	279.732.030.223	279.732.030.223	78.071.701.624	78.071.701.624
Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	121.574.491.300	121.574.491.300	55.970.719.078	55.970.719.078
Công ty CP Đồng Tà Phời	236.506.261.058	236.506.261.058	-	-
Công ty CPĐT và TM HANCO	126.000.000.000	126.000.000.000	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.418.161.788.504	1.418.161.788.504	772.682.900.353	772.682.900.353
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	2.181.974.571.085	2.181.974.571.085	906.725.321.055	906.725.321.055

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Trong đó:

Phải trả cho người bán là các bên liên quan

424.307.668.821 424.307.668.821 129.073.350.804 129.073.350.804

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của VIMICO

(****): Chi tiết các khoản phải trả khác:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	679.631.415.266	542.300.287.467
Kinh phí công đoàn	1.147.865.991	1.200.956.217
Bảo hiểm xã hội	405.363.986	433.729.917
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.921.308.270	27.414.997.923
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	668.982.850	483.484.500
Phải trả, phải nộp khác	631.487.894.169	512.767.118.910
+ Tập đoàn CN Than Khoáng sản Việt Nam	-	3.236.500.000
+ Kinh phí đền bù Dự án MR NCS mỏ tuyển	1.323.084.337	8.037.122.761
+ Phải trả Công ty Điện lực Lào Cai tiền điện	-	1.108.551.327
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	155.072.291.550	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (i)	148.000.000.000	73.410.331.658
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (i)	282.000.000.000	400.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	24.057.000.000	-
+ Các khoản khác	21.035.518.282	26.974.613.164
Dài hạn	1.304.169.667	1.289.169.667
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	28.000.000	313.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.276.169.667	976.169.667
Tổng	680.935.584.933	543.589.457.134

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

2.465.298.000

3.236.500.000

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của VIMICO

(i): Giá trị các ngân hàng đã thanh toán cho người bán theo bộ chứng từ của hình thức thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (L/C-UPAS) theo các hợp đồng cấp tín dụng hạn mức giữa Tổng Công ty và các ngân hàng cho mục đích bảo lãnh và phát hành L/C.

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

h) Tài sản khác

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2022, tại ngày 30/09/2022, Tổng Công ty có các khoản nợ quá hạn đã lâu chưa thu hồi được với giá trị nợ gốc là 9.942 triệu đồng, và đã trích lập dự phòng 9.942 triệu đồng, chi tiết:

Đơn vị: triệu đồng

Đối tượng	Giá trị gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Khoáng sản và Thương mại Thành Phát	3.197	3.197	Trên 3 năm	Nợ khó đòi	-
CTCP Nhật Anh	382	382	Trên 3 năm	Nợ khó đòi	-
CTCP Khoáng sản 5	498	498	Trên 3 năm	Nợ khó đòi	-
Các đối tượng khác	5.864	5.864	Trên 3 năm	Nợ khó đòi	-
Tổng	9.942	9.942			-

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III/2022 của VIMICO

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,01	1,06
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,59	0,26
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản	%	66,13	70,61
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	195,65	240,58
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân (= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	Lần	6,28	3,03
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,98	1,01
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,95	7,15
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	8,12	23,10
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,90	7,22

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
Lợi nhuận từ SXKD/Doanh thu thuần	%	3,30	8,83

Nguồn: tính toán từ BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2020, 2021 của VIMICO

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	0,80	0,96
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,36	0,22
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản	%	71,29	71,61
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	249,54	253,16
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân (= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	Lần	3,50	2,18
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,75	0,81
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,55	8,72
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	7,44	28,84
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,92	7,03
Lợi nhuận từ SXKD/Doanh thu thuần	%	3,98	14,44

Nguồn: tính toán từ BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2020, 2021 của VIMICO

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông Đặng Đức Hưng	Thành viên HĐQT
4	Ông Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Bùi Tiến Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

a. Ông Nguyễn Văn Hải – Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Hải
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 10/05/1968
4. Nơi sinh: Xã Ngọc Sơn, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 5A Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
7. CMND/CCCD: 030068000611 Cấp ngày 24/6/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
8. Điện thoại liên lạc: 0982756929
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Chủ tịch HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban – Thành viên ban Quản lý vốn TKV; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tin học, công nghệ, môi trường – Vinacomin; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đồng Tả Phời; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Vinacomin – Lào; Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Alumin (Campuchia-Việt Nam).
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1992 – 03/1993	Sở Công nghiệp Lào Cai.	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật
Từ 04/1993 – 07/1998	Sở Công nghiệp Lào Cai	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên
Từ 08/1998 – 01/2006	XN Liên doanh đồng Lào Cai	Quyền Quản đốc, Quản đốc
Từ 01/2006 – 05/2006	Xí nghiệp Mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai	Phụ trách phân xưởng, Quản đốc phân xưởng Khai thác
Từ 06/2006 – 09/2006	Xí nghiệp Mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai	Phó Giám đốc
Từ 10/2006 – 04/2010	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc điều hành mỏ
Từ 05/2010 – 12/2012	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Giám đốc kiêm Giám đốc điều hành Mỏ
Từ 01/2013 – 10/2015	Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin	Chủ tịch Công đoàn
Từ 10/2015 – 05/2019	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Thành viên HĐQT
Từ 05/2019 – Nay	Tập đoàn Công nghiệp Than -	Trưởng ban – Thành viên Ban Quản

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

	Khoáng sản Việt Nam	lý vốn
Từ 05/2019 – Nay	Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP	Chủ tịch HĐQT
Từ 05/2019 – Nay	Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học MT - Vinacomin	Chủ tịch HĐQT
Từ 09/2019 – Nay	Công ty TNHH Vinacomin - Lào	Chủ tịch HĐQT
Từ 09/2019 – Nay	Công ty liên doanh Alumin (Campuchia - Việt Nam)	Chủ tịch HĐQT
Từ 09/2019 – Nay	Công ty cổ phần Đồng Tả Phời	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,005%

- Sở hữu đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Tổng Công ty: 196.117.900 cổ phần – tỷ lệ sở hữu 98,06%

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0% có

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

b. Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Trịnh Văn Tuệ

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 28/12/1972

4. Nơi sinh: Đồng Tiến - Ứng Hòa - Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Hộ khẩu thường trú: Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

7. CMND/CCCD: 001072009253 Ngày cấp: 29/5/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

8. Điện thoại liên hệ: 0982 176 255

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa - cung cấp điện

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/1992 – 07/1994	Xí nghiệp thiếc Sơn Dương - Tuyên Quang	Công nhân sửa chữa phân xưởng Tuyển 7
Từ 08/1994 – 12/1995	Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai	Tổ trưởng tổ sửa chữa phân xưởng Tuyển khoáng
Từ 12/1995 – 04/1996	Nghỉ chữa bệnh	
Từ 04/1996 – 08/2005	Xí nghiệp Liên doanh đồng Lào Cai	Công nhân sửa chữa, Đốc công (6/1999), Phó Quản đốc (4/2003), Q.Quản đốc (3/2004), Quản đốc (01/2005) phân xưởng Tuyển khoáng
Từ 08/2005 – 10/2007	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Phụ trách, Quản đốc (3/2006) Phân xưởng Tuyển khoáng
Từ 10/2007 – 03/2011	Công ty Luyện đồng Lào Cai - Vimico	Phó Giám đốc
Từ 03/2011 – 07/2015	Công ty Luyện đồng Lào Cai - Vimico	Giám đốc
Từ 08/2015 – 03/2018	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT (10/2015)
Từ 16/03/2018 – Nay	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 15.200 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,0076%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Sở hữu của người có liên quan:

+ Nguyễn Thị Kim Oanh – Vợ: 1.300 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,00065%

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

c. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Đặng Đức Hưng

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 20/7/1967

4. Nơi sinh: Nam Chính, Nam Sách, Hải Dương

5. Quốc tịch: Việt Nam

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 1 ngách 89 ngõ 508 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

7. CMND/CCCD: 013245159 Ngày cấp: 17/11/2009 Nơi cấp: CA TP. Hà Nội

8. Điện thoại liên lạc: 0903.411248

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên, Cử nhân kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Thành viên HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1989 – 12/1999	Công trường Bàng Nâu Mỏ than Cao Sơn	Trực tiếp SX, CBKT, Phó Phòng Kỹ thuật (01/1992)
Từ 01/2000 – 09/2007	Công ty Than Cao Sơn	Trưởng Ban xây dựng DA, Phó Trung tâm chỉ huy SX, Phó Ban quản lý chi phí và giá thành sản phẩm, Trợ lý Giám đốc
Từ 10/2007 – 08/2011	Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Mỏ Địa chất
Từ 9/2011 – 10/2011	Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Mỏ Địa chất
Từ 11/2011 – 03/2018	Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin (nay là Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP)	Phó Tổng Giám đốc
Từ 03/2018 – 04/2020	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Từ 04/2020 – Nay	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Thành viên HĐQT chuyên trách

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,0015%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

d. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Ngô Quốc Trung

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 07/3/1973

4. Nơi sinh: Xã Dương Quang, Huyện Gia Lâm, Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã Dương Quang, Huyện Gia Lâm, Hà Nội.

7. CMND/CCCD: 001073024984 Ngày cấp 10/7/2021 Nơi cấp: Cục trưởng CCS QLHC về TTXH.

8. Điện thoại liên lạc: 0983981616

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 – 01/1996	Cty Than Nội địa	Cán bộ phòng kế toán
Từ 02/1996 – 06/1998	Tổng Công ty Than Việt Nam	Chuyên viên Ban kiểm toán
Từ 06/1998 – 05/2004	Tổng Công ty Than Việt Nam	Chuyên viên, Phó trưởng phòng kế toán Ban Kế toán
Từ 06/2004 – 02/2007	Cty tuyển than Hòn Gai	Kế toán trưởng
Từ 03/2007 – 07/2010	Cty Tài chính TKV	Phó giám đốc
Từ 08/2010 – 10/2015	Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin	Kế toán trưởng
Từ 10/2015 – 07/2018	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng
Từ 07/2018 – Nay	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 5.100 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,0025%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu 0%

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

động của Tổng Công ty

e. Ông Bùi Tiến Hải - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Bùi Tiến Hải

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 16/3/1976

4. Nơi sinh: Xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Chung cư Hapulico, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

7. CMND/CCCD: 013327645 Ngày cấp: 18/9/2012 Nơi cấp: Hà Nội

8. Điện thoại liên lạc: 0904.235499

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tuyển khoáng

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng – Vimico; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2001 – 07/2004	Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	Cán bộ kỹ thuật, Xí nghiệp chế biến Zircon-titan
Từ 08/2004 – 11/2005	Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	Nhân viên phòng kỹ thuật
Từ 12/2005 – 12/2007	Đi học tự do tại Cộng hòa Ucraina	
Từ 01/2008 – 10/2009	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Nhân viên phòng Tuyển khoáng
Từ 11/2009 – 03/2011	Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin	Phó Trưởng phòng Tuyển khoáng
Từ 04/2011 – 12/2013	Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng - Vimico	Phó giám đốc Công ty
Từ 12/2013 – 05/2014	Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin	Phó Trưởng phòng Tuyển khoáng
Từ 06/2014 – 04/2019	Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên	Giám đốc Công ty
Từ 05/2019 – Nay	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Phó Tổng Giám đốc
Từ 03/2020 – Nay	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Từ 04/2019 – Nay	Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng - Vimico	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2021 – Nay	Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,0025%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu 0%

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lương Văn Lĩnh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Nguyễn Nam Hưng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Phạm Xuân Phong	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a. Ông Lương Văn Lĩnh – Trưởng Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Lương Văn Lĩnh

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 31/10/1972

4. Nơi sinh: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Hộ khẩu thường trú: số 74, ngõ 173/68 Hoàng Hóa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Hà Nội

7. CMND/CCCD: 013346353 Ngày cấp: 14/10/2010 Nơi cấp: Hà Nội

8. Điện thoại liên hệ: 0913 539 908

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác:

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1997 – 04/2008	Cục thuế Tỉnh Quảng Ninh	Kiểm soát viên thuế Phòng thuế Thương nghiệp dịch vụ, Phòng Thanh tra
Từ 05/2008 – 10/2009	Tổng cục thuế	Kiểm soát viên thuế Ban kê khai
Từ 11/2009 – 10/2015	Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin	Chuyên viên, Phó Trưởng phòng (15/11/2013) Phòng Tài chính Kế toán
Từ 10/2015 – Nay	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Trưởng Ban Kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,0005%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

b. Ông Nguyễn Nam Hưng – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Nam Hưng

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 08/8/1978

4. Nơi sinh:

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Hộ khẩu thường trú: Số 4/35/151 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

7. CMND/CCCD: 012946660 Ngày cấp: 22/03/2007 Nơi cấp: Hà Nội

8. Điện thoại liên hệ: 0912.273.833

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện xây dựng

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Thành viên BKS, Trưởng phòng Cơ điện, Bí thư Chi bộ Cơ điện vận tải

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2002 – 02/2004	Công ty CP Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng –	Cán bộ kỹ thuật làm việc tại Phòng Dự án thuộc Công ty CP Đầu tư

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

	CONSTREXIM	xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng – CONSTREXIM
Từ 03/2004 – 12/2006	Công ty TNHH NN ITV Xây lắp Hóa chất - Vinaincon	Cán bộ kỹ thuật làm việc tại Phòng Cơ điện thuộc Công ty TNHH NN ITV Xây lắp Hóa chất - Vinacomin
Từ 01/2007 - 05/2015	Tổng công ty Khoáng sản	CV làm việc tại Phòng Cơ điện Tổng công ty Khoáng sản
Từ 05/2015 – 09/2022	Tổng Công ty Khoáng sản	Chuyên viên Ban quản lý Dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai - Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP
Từ 09/2015 – 05/2018	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Phó Trưởng ban - Ban quản lý Dự án mở rộng nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai - Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
Từ 05/2018 – 01/2019	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Phó Trưởng phòng Cơ điện Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP
Từ 02/2019 – Nay	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Trưởng phòng Cơ điện Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
Từ 2020 – Nay	Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty, Trưởng phòng Cơ điện Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,0005%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

c. Ông Phạm Xuân Phong – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Phạm Xuân Phong
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 12/10/1964
4. Nơi sinh: Kim Bảng, Hà Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 2 ngõ 48 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

7. CMND/CCCD: 013240406 Ngày cấp 23/12/2009 Nơi cấp: CA TP. Hà Nội

8. Điện thoại liên lạc: 0912065148

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Trưởng Ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Miền Trung - TKV; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Thiết Bị Điện Cẩm Phả; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Cơ Khí Hòn Gai - Vinacomin

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 03/1987 – 1991	XN Thi công Cơ giới Cầu đường thuộc Công ty than Uông Bí	Cán bộ
Từ 1991 – 1994	Mỏ than Than Thùng (Nay là Công ty than Nam Mẫu)	Phó phòng Kế toán
Từ 1994 – 1997	Công ty than Uông Bí	Phó Phòng Kế toán
Từ 1997 – 1998	Công ty Liên Doanh Xi măng Hải Long	Kế toán trưởng
Từ 1999 – 2003	Công ty Liên Doanh Giày Sơn Long	Kế toán trưởng
Từ 2003 – 2015	Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	Trưởng phòng Kế toán tổng hợp Ban Kế toán
Từ 2015 – Nay	Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ
Từ 04/2017 – Nay	Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 10/2020 – Nay	Công ty CP Than Miền Trung - TKV	Trưởng Ban kiểm soát
Từ 10/2020 – Nay	Công ty CP Thiết Bị Điện Cẩm Phả	Thành viên Ban kiểm soát
Từ 10/2020 – Nay	Công ty CP Cơ Khí Hòn Gai - Vinacomin	Thành viên Ban kiểm soát

13. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

14. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Bùi Tiến Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lý Xuân Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Đào Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Lê Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Nguyễn Văn Viên	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc như sau:

a. Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem trong phần thông tin liên quan đến thành viên HĐQT

b. Ông Bùi Tiến Hải - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem trong phần thông tin liên quan đến thành viên HĐQT

c. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem trong phần thông tin liên quan đến thành viên HĐQT

d. Ông Lý Xuân Tuyên – Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Lý Xuân Tuyên

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 18/02/1980

4. Nơi sinh: Thôn Phạ 2, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: A2605 Chung cư Imperia Garden, 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

7. CMND/CCCD: 015080001078 Ngày cấp: 24/4/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

8. Điện thoại liên lạc: 0982387225

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật tuyển khoáng

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng - Vimico

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2004 – 09/2005	Xí nghiệp Liên doanh đồng – Lào Cai.	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Tuyển khoáng – Xí nghiệp Liên doanh đồng – Lào Cai.
Từ 10/2005 – 04/2006	Xí nghiệp mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Tuyển khoáng – Xí nghiệp mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.
Từ 05/2006 – 07/2006	Xí nghiệp mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.	Đốc công Phân xưởng Tuyển khoáng – Xí nghiệp mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.
Từ 08/2006 – 09/2007	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.	Đốc công Phân xưởng Tuyển khoáng - kiêm bí thư Liên chi đoàn Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.
Từ 10/2007 – 07/2008	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai	Phó quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai kiêm Phó bí thư đoàn thanh niên Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
Từ 08/2008 – 06/2009	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai	Phó quản đốc Phụ trách Phân xưởng Tuyển khoáng – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai
Từ 07/2009 – 01/2010	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai	Quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai
Từ 02/2010 – 05/2010	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai	Quản đốc Phân xưởng Tuyển khoáng – Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai
Từ 06/2010 – 01/2011	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai	Phó Giám đốc Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền - Lào Cai kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai
Từ 02/2011 – 07/2013	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai	Phó giám đốc Công ty – kiêm Chủ tịch công đoàn Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai
Từ 08/2013 – 09/2015	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai	Bí thư Đảng ủy – Giám đốc Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai.
Từ 10/2015 – 10/2019	Công ty mỏ tuyển đồng Sin	Bí thư Đảng ủy – Giám đốc Chi nhánh

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

	Quyền – Lào Cai	Mô tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico; Ủy viên Ban TV Đảng ủy Tổng Công ty Khoáng sản.
Từ 05/11/2019 – Nay	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Ủy viên Ban TV Đảng ủy Tổng Công ty Khoáng sản
Từ 04/2020 – Nay	Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 18.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,009%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu 0%:
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- + *Nguyễn Thu Hà – Vợ: 2.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,001%*

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty : Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

c. Ông Đào Minh Sơn – Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Đào Minh Sơn

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 01/8/1963

4. Nơi sinh: Xã Xuân Lũng, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: T10 - 12B - 16 Times City 458 Minh Khai – Hà Nội

7. CMND/CCCD: 013545813 Ngày cấp 07/6/2012 Nơi cấp: CA TP. Hà Nội

8. Điện thoại liên lạc: 0912466544

9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy mỏ

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Từ 04/1987 - 06/1990	Mỏ thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang	Kỹ sư, Mỏ thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang.
Từ 07/1990 - 10/1993	XN thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang	P.QĐPX XN thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang
Từ 11/1993 - 04/1995	XN thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang	QĐ PX XN thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang
Từ 05/1995 - 06/1996	XNLD Vàng Việt Nga	Đốc công XNLD Vàng Việt Nga
Từ 07/1996 - 12/1997	Công ty KLM Thái Nguyên	Kỹ sư Công ty KLM Thái Nguyên
Từ 01/1998 - 04/1999	XN Thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang.	Kỹ sư XN Thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang.
Từ 05/1999 - 09/1999	XN Thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang.	PP. SX XN Thiếc Bắc lũng Sơn Dương, Tuyên Quang.
Từ 10/1999 - 11/2002	XNLD Đồng Lào cai	PGĐ, XNLD Đồng Lào cai
Từ 12/2002 - 03/2003	XNLD Đồng Lào cai	PGĐ, XNLD Đồng Lào cai
Từ 04/2003 - 09/2003	Tổng công ty Khoáng sản	P.BQLDA Tổ hợp đồng SQ, Lào cai
Từ 10/2003 - 06/2006	XNLD Đồng Lào cai	GĐ XNLD Đồng Lào cai
Từ 07/2006 - 12/2006	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	P.TP Cơ điện Tổng công ty Khoáng sản - TKV
Từ 01/2007 - 06/2009	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	TP.Cơ điện- vận tải Tổng công ty Khoáng sản - TKV
Từ 07/2009 - 04/2011	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	TP.Cơ điện- vận tải Tổng công ty Khoáng sản - TKV
Từ 05/2011 - 01/2012	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	TP.TCCB&ĐT Tổng công ty Khoáng sản - TKV
Từ 02/2012 - 06/2012	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	TP.TCCB&ĐT Tổng công ty Khoáng sản - TKV
Từ 07/2012 - 07/2015	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Phó Bí thư ĐU kiêm Trưởng phòng TCCB&ĐT Tổng công ty Khoáng sản - TKV
Từ 08/2015 - Nay	Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Phó TGD, PBT Đảng ủy Tổng Công ty,
Từ 03/2015 - Nay	Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 13.400 cổ phần - tỷ lệ sở hữu: 0,0067%

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu 0%:

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

f. Ông Lê Tuấn Ngọc – Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Lê Tuấn Ngọc

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 26/8/1970

4. Nơi sinh: Phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số 5 N4, ngõ 90 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

7. CMND/CCCD: 019070000008 Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

8. Điện thoại liên lạc: 0913.271.851

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế QTKD

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1994 – 08/1994	Tổng công ty Phát triển Khoáng sản,	Cán bộ kỹ thuật Tổng công ty Phát triển Khoáng sản, 6 Phạm Ngũ Lão, Hà Nội
Từ 09/1994 – 05/2001	XN Vật liệu xây dựng Chính Nghĩa,	Cán bộ kỹ thuật, PP Kế hoạch, Trợ lý giám đốc Công ty, Giám đốc XN Vật liệu xây dựng Chính Nghĩa, Phó chủ tịch Công đoàn Công ty Phát triển Khoáng sản 5, TP Tuy Hòa, Phú Yên
Từ 06/2001 – 08/2004	Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam	Chuyên viên, Phó trưởng phòng Hợp tác và Phát triển, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam
Từ 09/2004 – 03/2007	Tổng công ty Khoáng sản-TKV	Chuyên viên, Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư/Phòng Đầu tư và Phát triển, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam/Tổng công ty Khoáng sản-TKV

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Từ 04/2007 – 09/2011	Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng	Phó giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng kiêm Giám đốc BQLDA Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (từ 9/2009)
Từ 10/2011 – 03/2012	Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng	Phó phòng, Phụ trách phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản- Vinacomin kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng
Từ 04/2012 – 02/2021	Công ty CP đất hiếm Lai Châu – VIMICO	Trưởng phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản-TKV, Bí thư Chi bộ Mỏ địa chất – An toàn môi trường kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (đến 5/2013), Chủ tịch HĐQT Công ty CP đất hiếm Lai Châu – VIMICO (từ 01/2014 – 5/2018), Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Khoáng sản 4 (từ 01/2014 – 9/2017)
Từ 23/02/2021 – Nay	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu 0%
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0%

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

g. Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Viên
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 13/01/1981
4. Nơi sinh: Tiên Phương - Chương Mỹ - Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 131 đường Lê Xuân Diệp - P. Kiến Hưng - Q. Hà

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Đồng.

7. CMND/CCCD: 001081027263
QLHC về TTXH thành phố Hà Nội

Ngày cấp: 5/4/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát

8. Điện thoại liên lạc: 0988334444

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Kế toán trưởng

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang, Cao Bằng - Vimico

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/2006 – 08/2007	Xí nghiệp than Giáp Khẩu- Công ty than Hòn Gai	Chuyên viên phòng kế toán thống kê - Xí nghiệp than Giáp Khẩu- Công ty than Hòn Gai
Từ 09/2007 – 05/2008	Công ty than Hòn Gai	Chuyên viên phòng kế toán thống kê - Công ty than Hòn Gai
Từ 05/2008 – 03/2009	Công ty LD KS Lào Lanexang- Vimico làm việc tại Lào	Phụ trách Kế toán Công ty LD KS Lào Lanexang-Vimico làm việc tại Lào
Từ 04/2009 – 11/2010	Tổng Công ty Khoáng sản- TKV	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Khoáng sản- TKV
Từ 11/2010 – 04/2011	Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền - Lào Cai	Phụ trách phòng Kế toán tài chính Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền - Lào Cai
Từ 04/2011 – 04/2015	Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền- Lào Cai	Kế toán trưởng Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền- Lào Cai
Từ 04/2015 – 07/2018	Kế toán trưởng Công ty CP gang thép Cao Bằng	Kế toán trưởng Công ty CP gang thép Cao Bằng
16/07/2018 – Nay	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	Kế toán trưởng Tổng công ty
Từ 04/2020 – Nay	Công ty cổ phần Du lịch và TM Bằng Giang, Cao Bằng - Vimico	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 800 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,0004%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần – tỷ lệ sở hữu 0%

- Sở hữu của người có liên quan:

+ Nguyễn Văn Kiên – Em ruột: 600 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,0003%

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

15. Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổng Công ty: Thù lao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

17. Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế lao động của Tổng Công ty

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2022

Tài sản cố định – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	6.367.631	3.011.652	47,30%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.113.669	1.189.015	56,25%
2	Máy móc thiết bị	3.446.651	1.669.424	48,44%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	762.062	148.717	19,52%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	43.603	3.036	6,96%
5	TSCĐ hữu hình khác	1.646	1.460	88,70%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	144.956	4.462	3,08%
1	Máy móc thiết bị	36.726	3.604	9,81%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	108.230	858	0,79%
III	Tài sản cố định vô hình	13.221	8.553	64,69%
1	Quyền sử dụng đất	4.434	4.434	100%
2	Phần mềm tin học	5.666	2.313	40,82%
3	TSCĐ vô hình khác	3.122	1.806	57,85%
	Cộng	6.525.808	3.024.667	46,35%

Nguồn: BCTC công ty mẹ Quý III/2022 của VIMICO

Tài sản cố định – Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	9.587.006	4.429.081	46,20%

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.375.607	1.717.169	50,87%
2	Máy móc thiết bị	5.241.322	2.499.644	47,69%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	909.317	197.951	21,77%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	60.595	14.204	23,44%
5	TSCĐ hữu hình khác	165	112	67,88%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	149.258	8.027	5,38%
1	Máy móc thiết bị	38.318	5.102	13,31%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	110.940	2.925	2,64%
III	Tài sản cố định vô hình	20.060	13.115	65,38%
1	Quyền sử dụng đất	10.495	8.996	85,72%
2	Phần mềm tin học	6.443	2.313	35,90%
3	TSCĐ vô hình khác	3.122	1.806	57,85%
	Cộng	9.756.324	4.450.223	45,61%

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III/2022 của VIMICO

Một số tài sản lớn của VIMICO tính đến thời điểm 30/09/2022

STT	Tên tài sản	Ngày đưa vào sử dụng	Giá trị (đồng)
1	Xưởng chính	20/5/2006	15.995.357.932
2	Xưởng trùng tu thiết bị	01/01/2013	5.446.092.999
3	Xe Komatsu HD 465-7R số 44 - 52, tải trọng 58 tấn	19/12/2017	41.806.446.438
4	Xe CAT 0773EVPRB00494 (số 10 đến 20; số 54 đến 61)	20/10/2016; 27/5/2019	63.647.112.713
5	Hệ thống thiết bị tuyển khoáng - Nhà máy tuyển khoáng (02 dây chuyền)	01/01/2019	542.720.458.712
6	Trạm biến áp 35/6KV-2x8000KVA và đường dây 6KV (02 trạm)	01/1/2019	14.507.481.692

Nguồn: VIMICO

13.2. Tình hình sử dụng đất đai

TT	Địa chỉ thửa đất	Diện tích đất (m2)	Mục đích sử dụng	Thời gian giao/thuê đất	Hình thức	Hồ sơ pháp lý
I	Tại Hà Nội	5.577				
1	193 Nguyễn Huy Tường, Quận Thanh Xuân	2.524	Làm văn phòng và cơ sở sản xuất	Đến 2043	Thuê đất trả tiền hàng năm	GCNQSDD BO888842 ngày 19/3/2014 do UBND TP Hà Nội
2	562 Nguyễn Văn Cừ, Q, Long Biên	3.053	Làm văn phòng	Đến 2046	Thuê đất trả tiền hàng năm	GCNQSDD CH666143 ngày 06/02/2017
II	Tại Lào Cai	6.793.028				
1	Phường Phố Mới, TP Lào Cai	1.333	Văn phòng Chi nhánh Vimico	Không thời hạn	Giao đất	Tờ số 2, thửa P16-21 và P16-23; Tờ số 33, Thửa 16-22
2	Huyện-Bát Xát (Chi nhánh Mở tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai - VIMICO	6.142.311	Làm văn phòng, nhà ở CBCNV và cơ sở sản xuất	Đến 2025	Thuê đất trả tiền hàng năm	QĐ số 375/QĐ – UBND; 376/QĐ – UBND; 3751/QĐ – UBND; 1771/QĐ – UBND; 4283/QĐ - UBND
3	Huyện Bảo Thắng (Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai – VIMICO quản lý)	286.919	Làm văn phòng, nhà ở CBCNV và cơ sở sản xuất	Đến 2055	Thuê đất trả tiền hàng năm	QĐ số 2988/QĐ-UBND; ngày 18/11/2004; Tờ số 113, thửa số P6-23; GCNDT 12121000350
4	Huyện Bát Xát (Dự án mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai)	542.465	Làm văn phòng và cơ sở sản xuất	Đến 2035	Thuê đất trả tiền hàng năm	Hợp thuê đất số 55/HĐTĐ ngày 24/6/2016
	Tổng cộng	6.978.605				

Nguồn: VIMICO

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2022-2023

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023 (*)	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2021	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	7.191	-8,37%	-	-
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	477	-14,97%	-	-
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	2.633	-	-	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,63%	0,25	-	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,12%	3,19	-	-
Tỷ lệ cổ tức	15%	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của VIMICO

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức hợp nhất toàn Tổng công ty

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023 (*)	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2021	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	11.712	46,56%	-	-
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	678	-29,23%	-	-
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	3.183	-	-	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,79%	6,20%	-	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,30	8,80%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	15%	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của VIMICO

(*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 chỉ phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2022. Kế hoạch kinh doanh năm 2023 do Ban Tổng Giám đốc xây dựng và sẽ được trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Tính đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2023.

14.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, VIMICO và các đơn vị thành viên chủ trương tập trung vào thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao năng suất, thực thu khoáng sản có ích, quản trị chi phí nhằm hạ giá thành, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung, với các biện pháp cụ thể như sau:

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

- Quyết liệt chỉ đạo các đơn vị bám sát kế hoạch điều hành, các phương án sản xuất năm 2021 để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế từng đơn vị, đảm bảo sản xuất hiệu quả với mục tiêu tổng quát là: AN TOÀN - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ;

- Căn cứ kế hoạch SXKD đã được phê duyệt, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch điều hành sản xuất, phương án tiêu thụ trên cơ sở bám sát diễn biến giá cả thị trường để điều hành chi phí một cách linh hoạt, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất trong toàn Tổng công ty. Kiểm soát chi phí hàng tháng nhằm hạn chế tối đa các chi phí phát sinh ngoài kế hoạch. Đổi mới công tác tiêu thụ theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch và tăng cường tính tự chủ tại mỗi đơn vị SX trong điều kiện tiếp tục duy trì dòng tiền tập trung.

- Tăng cường công tác quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm, an toàn và bảo vệ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ (giảm định mức tiêu hao cốc/gang, tăng tỷ lệ thực thu tuyển khoáng, luyện kim, giảm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng,...). Nâng cao hiệu quả vận hành các nhà máy, dây chuyền công nghệ, thiết bị, giảm số sự cố, giảm tỷ lệ dừng máy (cả dừng bảo dưỡng và dừng sự cố), giảm số ngày dừng vận hành không theo kế hoạch.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng, giá cả đầu vào đối với nguyên nhiên liệu, vật tư tiêu hao đưa vào sản xuất ở tất cả các khâu, nâng cao hiệu suất vận hành tất cả các nhà máy tuyển khoáng, luyện kim, hiệu quả kinh doanh. Nghiên cứu, vận hành linh hoạt, có hiệu quả cơ chế mua vật tư tập trung, hướng đến việc nhập khẩu trực tiếp vật tư trọng yếu, giá trị lớn. Xây dựng kế hoạch sử dụng và tổ chức thực hiện cung cấp quặng sắt giai đoạn 2023-2025 cho Khu liên hợp GTCB, trong đó cân đối cung cấp tối đa nguồn trong VIMICO cấp cho CISCO.

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các giải pháp công nghệ để nâng cao hơn nữa tỷ lệ thực thu, thu hồi các khoáng vật có ích đi kèm tại các nhà máy tuyển khoáng, luyện kim nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tăng cường sử dụng sản phẩm, dịch vụ, hỗ trợ lẫn nhau trong nội bộ Tổng công ty, nội bộ Tập đoàn để giúp nhau cùng phát triển, mở rộng thị trường trên cơ sở đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh và hài hòa lợi ích của các bên liên quan;

- Tiếp tục duy trì mối quan hệ với các Ngân hàng thương mại truyền thống của Tổng Công ty để tái tục và tăng hạn mức tín dụng tại một số ngân hàng. Nghiên cứu, áp dụng các sản phẩm tín dụng phù hợp nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ SXKD, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn;

- Tăng cường kiểm soát tài chính, dòng tiền hợp lý để nâng cao hiệu quả SXKD. Có phương án xử lý các vấn đề tồn tại tài chính của toàn Tổng công ty. Huy động sử dụng vốn theo kế hoạch, đúng mục đích. Bám sát kế hoạch điều hành để đảm bảo an toàn tài chính doanh nghiệp.

Kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2022 đã được Ban lãnh đạo Tổng Công ty xem xét cẩn thận, kỹ lưỡng, trên cơ sở tình hình thực tế, phù hợp với thị trường. Ban lãnh đạo Tổng Công ty nhận thấy Dự án mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai của Tổng Công ty mới đi vào hoạt động nên sẽ chưa hiệu quả, bên cạnh đó, điều kiện khai thác khoáng sản ngày càng khó khăn hơn, đi kèm một số chi phí như quyền khai thác khoáng sản và các loại thuế phí của Nhà nước có xu hướng tăng mạnh (khoảng 150%). Do đó, trong năm 2022, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã quyết định đề ra kế hoạch kinh doanh thấp hơn số thực hiện được trong năm 2021.

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Tính đến ngày 30/09/2022, doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế, vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty đạt lần lượt là: 8.792 tỷ đồng, 287 tỷ đồng, 3.030 tỷ đồng; tương ứng lần lượt là 75,07%, 42,33%, 95,19% kế hoạch đặt ra. Dự kiến đến cuối năm 2022, dựa vào những đơn đặt hàng lớn đến từ khách hàng trong nước, cũng như việc nghiệm thu, thanh lý hợp đồng trong Quý IV/2022, việc đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận là khả quan. Các hợp đồng của VIMICO đang thực hiện và dự kiến sẽ quyết toán trong Quý IV/2022 với tổng giá trị là: 2.935 tỷ đồng, qua đó dự kiến hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của năm 2022, cụ thể như sau:

TT	Tên Hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán dự kiến trong Quý IV/2022 (Tỷ đồng)	Sản phẩm	Đối tác trong Hợp đồng
1	01/HĐKT/TKV-VIMICO/2021	04/05/2021	Đang thực hiện	2.094	Đồng tấm	Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam
2	3486/HĐ-VT/2021	11/2022	Đang thực hiện	450	Phôi thép	CTCP Chế tạo máy
3	Các hợp đồng về Axit Sunfuric		Đang thực hiện	39	Axit Sunfuric	
4	Các hợp đồng khác		Đang thực hiện	352	Vàng, bạc, tinh quặng Manhetit, tinh quặng sắt	
	Tổng cộng			2.935		

Nguồn: VIMICO

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dựa trên kết quả kinh doanh của Tổng Công ty qua các năm 2020 - 2021; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm dịch vụ của Tổng Công ty giai đoạn 2022 - 2023, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động lớn theo hướng tiêu cực thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu của Tổng Công ty được xây dựng một cách hợp lý.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/ cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết:

200.000.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

➤ Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp của Người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011: **914.800 cổ phiếu.**

➤ Theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Danh sách người nội bộ và cổ đông lớn là người có liên quan đến người nội bộ bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phiếu trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng 50% số cổ phiếu trong 06 tháng tiếp theo
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	196.117.900	196.117.900	98.058.950
2	Nguyễn Văn Hải	10.000	10.000	5.000
3	Trịnh Văn Tuệ	15.200	15.200	7.600
4	Đặng Đức Hưng	3.000	3.000	1.500
5	Ngô Quốc Trung	5.100	5.100	2.550
6	Bùi Tiến Hải	5.000	5.000	2.500
7	Lương Văn Lĩnh	1.000	1.000	500
8	Nguyễn Nam Hưng	1.000	1.000	500
9	Lý Xuân Tuyên	18.000	18.000	9.000
10	Đào Minh Sơn	13.400	13.400	6.700
11	Nguyễn Văn Viên	800	800	400
	Tổng cộng	196.190.400	196.190.400	98.095.200

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Tổng Công ty theo một số trong các phương pháp sau đây:

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu KSV;
- Bình quân giá thị trường 20 phiên giao dịch cuối cùng của cổ phiếu KSV trên sàn giao dịch Upcom;
- Phương pháp so sánh P/B, P/E.

Mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Tổng Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

Trong đó:

➤ **Giá trị sổ sách của cổ phiếu KSV**

Giá trị sổ sách của Cổ phiếu cũng là một trong những căn cứ làm cơ sở để cùng với các yếu tố khác để nhà đầu tư tham khảo tính toán mức giá phù hợp cho cổ phiếu của Tổng Công ty. Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Tổng Công ty được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị 1 Cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Giá trị cổ phiếu ưu đãi} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị vốn chủ sở hữu hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là: 3.183.012.127.286 đồng.

Giá trị cổ phiếu ưu đãi: 0 đồng

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại thời điểm 31/12/2021: 496.637.174.555 đồng

Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021 là: 200.000.000 cổ phiếu.

Vậy, giá trị của cổ phiếu KSV khi tính theo phương pháp tài sản ròng (NAV) là:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{3.183.012.127.286 - 496.637.174.555}{200.000.000} = 13.432 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

➤ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Tổng Công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{BVS} * \text{P/B bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở

giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

➤ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Tổng Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện nay, Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIMICO không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ theo công văn số 5103/UBCK-PTTT ngày 04/08/2022 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty hiện nay là 0%.

Căn cứ thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài được công bố trên website của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, tại thời điểm ngày 08/11/2022, số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại VIMICO là 900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00045% vốn điều lệ của VIMICO.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Thuế áp dụng đối với Tổng Công ty

- ✓ Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế.
- ✓ Thuế giá trị gia tăng: Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009; Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/06/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Tổng Công ty đang áp dụng thuế suất 8% với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022.
- ✓ Các loại thuế khác: Các loại thuế khác như: Thuế đất đai, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân,... Tổng Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành tại Việt

Nam.

7.2. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- ✓ Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- ✓ Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

7.2. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư tổ chức

✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư (20%).
- ✓ Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:
 - Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ: Tầng 5, Tháp B2, Tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (84 24) 5678 3999 Fax: (84 24) 3755 7446
Website: www.uhy.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: (84 24) 3783 2121 Fax: (84 24) 3783 2122
Website: www.cpavietnam.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3818 1888 Fax: (84-24) 3818 1688
Website: <http://www.shs.com.vn>

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà AS, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: 028 3945 1368 Fax: 028 3915 1369

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Thành Lợi 2, số 3 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Đà Nẵng
Điện thoại: 0236 3525 777 Fax: 0236 3523 779

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1.** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Phụ lục 2.** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
- Phụ lục 3.** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Tổng Công ty
- Phụ lục 4.** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, 2021; Báo cáo tài chính Quý III/2022
- Phụ lục 5.** Báo cáo về những tranh chấp pháp luật
- Phụ lục 6.** Các phụ lục khác

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN HẢI

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG VĂN LĨNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH VĂN TUỆ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN VĂN VIÊN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU THANH

